TUẦN 1: **CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT BƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM**

Bài 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt nam, kể tên được một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu Địa lí thông qua việc xác dịnh trên lược đồ hoặc bản đồ vị trí địa lí của Việt Nam; trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến vị trí địa lí, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tôn trọng Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của nước ta.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vị trí đia lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

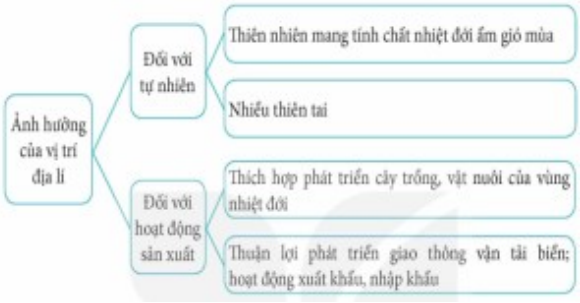
- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Lược đồ vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và hình 2 trong SGK trang 5.  ▲ **Hình 1.** Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang) - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, dựa vào hiểu biết cá nhân, chia sẻ những điều HS đã biết về các địa danh này. - GV đặt câu hỏi gợi ý. + Cho biết tên hai địa điểm ở hình 1, 2. + Em biết gì về hai địa điểm này. - GV yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. - GV kết luận: + **Hình 1:** Cột cờ Lũng Cú ở tỉnh Hà Giang, đây là địa điểm ở cực Bắc của Tổ quốc. + **Hình 2:** Mũi Cà Mau, phần lãnh thổ cuối cùng về phía nam của Việt Nam. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS quan sát hình ảnh.  ▲ **Hình 2.** Mũi Cà Mau (Cà Mau) - HS thảo luận nhóm đôi, dựa vào hiểu biết cá nhân, chia sẻ những điều HS đã biết về các địa danh này. - HS lắng nghe. - HS trình bày kết quả thảo luận. - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. + Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Việt Nam. (Thực hiện nhóm)	

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 (SGK trang 5) và quan sát hình 3 (Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 SGK trang 6). - GV đặt câu hỏi: 1. Em hãy xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ. 2. Em hãy xác định vị trí của biển và các quốc gia tiếp giáp với phần đất liền của nước ta. 3. Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta - GV yêu cầu HS áp dụng kĩ thuật Khăn trải bàn, mỗi thành viên nhóm suy nghĩ và viết ra góc khăn trải bàn của mình. Nhóm sẽ thảo luận và viết kết quả vào giữa khăn trải bàn. - GV yêu cầu HS viết kết quả thảo luận trên sơ đồ tư duy. - GV mở rộng thêm: + Nước ta có những thiên tai nào? + Kể tên các cây trồng, vật nuôi phổ biến ở nước ta. - GV giải thích cho HS hiểu về thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của nức ta. + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, chịu ảnh hưởng của gió mùa). + Rừng nhiệt gió mùa phát triển trên đất phe-ra-lít là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nước ta. **Hoạt động 2: Tìm hiểu lãnh thổ và đơn vị hành chính.**	- HS đọc thông tin và quan sát lược đồ. - HS trả lời câu hỏi. 1. Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc Châu Á. 2. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với 3 quốc gia: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và tiếp giáp với biển. Vùng biển nước ta thuộc biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia. 3.  + Bão, lũ lụt, hạn hán ..... + Lúa, ngô, trà, cà phê, cao su, cây ăn quả ..... - HS lắng nghe.  Hình 4. Một số ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 SGK trang 6). - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để: *1. Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.* *2. Nêu số lượng đơn vị hành chính nước ta.* *3. Kể tên một số tỉnh, thành phố trực thuộc* Trung ương của nước ta. - GV mời nhóm trình bày. - GV giải thích thêm: + Vùng đất là toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của hàng nghìn hòn đảo trên Biển Đông. + Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km^2, tiếp giáp với vùng biển của các nước Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Cam-pu-chia và Thái Lan. + Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới; trên biển là ranh giới phía ngoài của các lãnh hải và không gian các đảo. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc thông tin và quan sát hình 3. - HS thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. 1. Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam. *+ Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.* *+ Vùng đất của nước ta gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo trên Biển Đông.* *+ Phần đất liền của nước ta có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc – nam.* 2. Số lượng đơn vị hành chính ở nước ta. *+ Việt Nam có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.* 3. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở nước ta. *5 thành phố trực thuộc Trung ương là: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.* - HS lắng nghe.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS: + Xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021. + Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố? Bao nhiêu thành phô trực thuộc Trung ương? + Vùng đất là gì? + Vùng biển là gì? + Vùng trời là gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS trả lời - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 1: **CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT BƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM**

Bài 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt nam, kể tên được một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu Địa lí thông qua việc xác dịnh trên lược đồ hoặc bản đồ vị trí địa lí của Việt Nam; trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến vị trí địa lí, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tôn trọng Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của nước ta.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vị trí đia lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Lược đồ vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- GV yêu cầu HS nêu những điều HS biết về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</td><td>- HS quan sát hình ảnh.

- HS nêu những điều HS biết về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Cách tiến hành:</td></tr>
</table>

Hoạt động 3. Tìm hiểu về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. **3.1. Tìm hiểu về Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.** - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục và quan sát hình 5 (SGK trang 7) và thực hiện nhiệm vụ: *+ Mô tả Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* *+ Nêu ý nghĩa của Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. - GV yêu cầu các nhóm trình bày. - GV yêu cầu nhóm khác chú ý nghe rồi nhận xét, bổ sung ý kiến.  Hình 5. Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - GV nhận xét, tuyên dương. **3.2. Tìm hiểu về Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.** - GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 6 trong SGK trang 8 (Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm để thực hiện: *+ Mô tả Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* *+ Nêu ý nghĩa của Quốc huy nước Cộng hoà xã*	- HS quan sát và đọc thông tin. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. *+ Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.* *Nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho 5 tầng lớp: Trí thức, nông dân, công nhân, thương nhân, binh sĩ cùng đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.* + Ý nghĩa của Quốc kì: *Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.* - HS lắng nghe. - HS đọc thông tin và quan sát. - HS thảo luận nhóm. *+ Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng*

hội chủ nghĩa Việt Nam.  Hình 6. Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	*hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp.* + Ý nghĩa của Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Quốc huy thể hiện khát vọng về một nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.*
- GV mời nhóm trình bày. - GV nhận xét, tuyên dương. **3.3. Tìm hiểu về Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.** - GV yêu cầu HS đọc thông tin và mục Em có biết? - GV cho HS nghe bài Quốc ca và trả lời câu hỏi: *+ Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài hát nào? Do ai sáng tác?* *+ Quốc ca thể hiện điều gì?* - GV giảng giải thêm: Quốc kì,Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam, thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.	- Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS đọc thông tin. - HS nghe bài Quốc ca và trả lời. *+ Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác năm 1944.* *+ Quốc ca thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vinh quang của các thế hệ đi trước, đồng thời, cũng thể hiện khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam.* - HS lắng nghe.

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Mở rộng kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Giúp HS tìm hiểu thêm về một số đền tháp Chăm.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi chia	- HS làm việc cá rồi chia sẻ trong nhóm

sẻ trong nhóm thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: *+ Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam 5 thành phố trực thuộc Trung ương.* *+ Xác định trên bản đồ hành chính Việt nam quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.* - GV yêu cầu HS xem lại Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 trong SGK trang 6 để thực hiện nhiệm vụ. - Gv mời đại diện nhóm trình bày. - GV nhận xét.	nhóm để thực hiện nhiệm vụ. - HS xem lại Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 trong SGK trang 6 để thực hiện nhiệm vụ. - Đại diện nhóm trình bày. - HS lắng nghe.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *+ Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hoặc tại nơi em sống.* - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu và chuẩn bị để chia sẻ ở giờ học tiếp theo. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ. - HS về nhà tìm hiểu và chuẩn bị để chia sẻ ở giờ hcoj tiếp theo. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu,...)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về địa hình và khoáng sản Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số khoáng sản chính.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về địa hình và khoáng sản Việt Nam**3. Phẩm chất.**
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm địa hình, khoáng sản.
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho học sinh nghe câu hát và yêu cầu HS hãy chỉ ra các từ ngữ thể hiện thiên nhiên của Việt Nam trong những câu hát sau: "Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi Ngắm mặt biển xanh xa tít chân trời Nghe sóng vỗ dạt dào biển cả Vút phi lao gió thổi trên bờ" - Cho HS chia sẻ thêm những điều em biết về	- Cả lớp theo dõi, lắng nghe. - Những từ ngữ thể hiện thiên nhiên Việt Nam trong câu hát trên là: biển xanh xa tít chân trời; sóng vỗ dạt dào; gió thổi,… - Những điều em biết về thiên nhiên Việt Nam: + Việt Nam có địa hình chủ yếu

thiên nhiên Việt Nam. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về đặc điểm của nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về thiên nhiên Tổ quốc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 2 – Thiên nhiên Việt Nam.**	là đồi núi thấp. + Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước,… + Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khoáng sản....). + Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. Địa hình và khoáng sản ***a, Địa hình*** **-** GV yêu cầu hs đọc thông tin, quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi - Chỉ trên lược đồ các khu vực đồi núi và các khu vực đồng bằng ở nước ta. - Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.  Hình 1. Lược đồ tự nhiên Việt Nam	- HS trả lời câu hỏi: - Đặc điểm chính của địa hình nước ta: + Trên phần đất liền của nước ta, đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp. Các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung. + Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. - Một số khoáng sản ở nước ta: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bô-xit, a-pa-tit,... - Vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế: Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp

- GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương. ***b, Khoáng sản*** GV cho HS đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, thảo luận nhóm đôi: - Kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản ở nước ta. - Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế. - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV mời HS đọc mục "Em có biết" - GV nhận xét, tuyên dương.	(nhiệt điện, sản xuất kim loại, hoá chất,...) và một phần để xuất khẩu. - HS báo cáo kết quả. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  ▲ **Hình 2.** Giàn khoan dầu khí ở mỏ Bạch Hổ (Bà Rịa – Vũng Tàu) - HS đọc để hiểu thêm về một số khoáng sản ở nước ta.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khoáng sản....). + Giúp học sinh nhớ được tên khoáng sản, địa điểm phân bố. + Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ô chữ kì diệu** - Chuẩn bị: Hình ảnh một số khoáng sản, các mảnh ghép có các câu hỏi. - Cách chơi: Chơi cả lớp hoặc theo nhóm., . Giáo viên lựa chọn hàng chữ, đọc câu hỏi về đặc điểm của 1 khoáng sản và cho HS suy nghĩ là 30 giây. Nếu trả lời đúng một câu hỏi ở một câu hỏi các em sẽ được 10 điểm. Sau 6 mảnh ghép học sinh phải đoán được tên từ	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.

khóa của trò chơi. Nếu đoán được tên nhân từ khóa sẽ ghi được 30 điểm. Học sinh hay nhóm nào được nhiều điểm hơn sẽ giành phần thắng cuộc. - Tác dụng của trò chơi này: Thể hiện được các ô chữ và các câu hỏi sau mỗi ô chữ mà giáo án truyền thống không thể hiện được. Hơn nữa trên màn hình thể hiện rõ hình ảnh đẹp, dễ quan sát.. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về đặc điểm địa hình Việt Nam. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...).

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số sông hồ chính.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về khí hậu, sông hồ Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số con sông chính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số sông hồ chính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về khí hậu, sông hồ Việt Nam**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm khí hậu, sông hồ

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên các con sông mà em biết - GVmời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được một số con sông, vậy nước ta có mạng lưới sông ngòi như thế	- Cả lớp thi nhau kể: Sông Đồng Nai, sông Hồng, sông Mê Công, sông La,... - HS lắng nghe.

nào? Sông nước ta có đặc điểm như thế nào?. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Thiên nhiên Việt Nam – Tiết 2"	

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...).

+ Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số sông hồ chính.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. Khí hậu và sông hồ ***a, Khí hậu*** - GV yêu cầu hs đọc thông tin, bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, quan sát các hình 3, 4, em hãy: + Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta. + Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất. BẢNG NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thuỷ văn)  Hình 3. Rau vụ đông ở tỉnh Thái Bình  Hình 4. Ngập lụt do mưa lớn ở tỉnh Quảng Trị năm 2020	- HS trả lời câu hỏi: **Đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam** - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. + Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). + Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm. + Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông chủ yếu có hướng đông bắc và gió mùa mùa hạ chủ yếu có hướng tây nam, đông nam. - Khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam (ranh giới là dãy núi Bạch Mã) có sự khác nhau. + Ở miền Bắc có hai mùa chính: mùa hạ nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít. + Ở miền Nam nóng quanh năm, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Những thuận lợi và khó khăn của khí

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình (°C)		
	Cả năm	Tháng 1	Tháng 7
Hà Nội	24	17	29
Thành phố Hồ Chí Minh	28	27	28

- GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất. - Thuận lợi: + Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao. + Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền nên sản phẩm nông nghiệp đa dạng. - Khó khăn: chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,..
***b, Sông* hồ** - Yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy thảo luận nhóm 4: - Trình bày đặc điểm của sông, hồ ở nước ta. - Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.  ▲ Hình 5. Sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh Đồng Tháp  ▲ Hình 6. Hồ Ba Bể ở tỉnh Bắc Kạn - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	**Đặc điểm** - Việt Nam có rất nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ, tuy nhiên cũng có một số sông lớn như sông Hồng, sông Cửu Long,... Lượng nước sông thay đổi theo mùa. + Mùa lũ mực nước sông dâng cao, có thể gây lũ lụt, ngập úng. + Mùa cạn, mực nước sông hạ thấp, có tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực. - Nước ta có nhiều hồ, gồm hồ tự nhiên và hồ nhân tạo. Một số hồ lớn như: hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh),... **Vai trò** - Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, du lịch, giao thông đường thuỷ, thuỷ điện,...

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...).

+ Kể được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...).

+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Rung chuông vàng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...). - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về một con sông đẹp mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video)	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 13: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng....).

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số loại đất, rừng chính.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về đất và rừng Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số đất, rừng chính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số một số loại đất, rừng chính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về một số loại đất, rừng chính ở Việt Nam**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm một số loại đất, rừng chính

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên một số loại đất mà em biết - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được một số loại đất, vậy nước ta có mấy loại đất chính? Đất nước ta có đặc điểm và vai trò như thế nào?. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Thiên nhiên Việt Nam – Tiết 3"	- Cả lớp thi nhau kể: đất phù sa, đất đỏ ba dan, đất feralit,... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng....). - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá . Đất và rừng **a, Đất** - GV yêu cầu hs đọc thông tin, quan sát các hình 7, 8 ; thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Trình bày đặc điểm của các loại đất ở nước ta. + ông ng  Hình 7. Vườn vải thiều ở vùng đồi núi phía Bắc (Bắc Giang)  Hình 8. Cánh đồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long (An Giang)	- HS trả lời câu hỏi: - Việt Nam có hai nhóm đất chính là nhóm đất phe-ra-lít (feralit) và nhóm đất phù sa. + Nhóm đất phe-ra-lít phân bố ở vùng đồi núi, với đặc điểm chua và nghèo mùn, thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu. + Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, nhìn chung tơi xốp, màu mỡ, thuận lợi trồng cây lương thực

- GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương. **b, Rừng** - Yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, trả lời câu hỏi: Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy: - Trình bày đặc điểm của rừng ở nước ta. - Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.  ▲Hình 9. Rừng nhiệt đới ở tỉnh Nghệ An ▲Hình 10. Rừng ngập mặn ở tỉnh Cà Mau - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	(đặc biệt là lúa nước), rau đậu, cây ăn quả, ... Vai trò - Trong nông nghiệp: tài nguyên đất được khai thác để trồng các cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây lương thực, cây ăn quả,…; phát triển chăn nuôi gia súc Đặc điểm - Trên lãnh thổ Việt Nam, rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn. - Hiện nay, diện tích rừng nước ta tăng lên do có nhiều rừng trồng mới, tuy nhiên một số khu rừng tự nhiên vẫn bị khai thác quá mức. Vai trò - Rừng có vai trò quan trọng: cung cấp gỗ và nhiều sản vật phục vụ cho sản xuất, đời sống của con người (thực phẩm, dược liệu,...); hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng....). - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi:	

- GV tổ chức trò chơi **Tôi là ai?** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ được tên, một số đặc điểm liên quan đến các loại đất, rừng - Chuẩn bị: Hình ảnh đất, rừng hoặc câu hỏi liên quan - Cách chơi: Chơi cả lớp hoặc theo nhóm. Cho cả lớp nhìn hình ảnh hoặc đọc câu hỏi để tìm ra đây là loại đất, loại rừng gì? - Tác dụng của trò chơi này: Thể hiện được các đặc điểm của rừng, đất và các câu hỏi sau mỗi hình ảnh mà giáo án truyền thống không thể hiện được. Hơn nữa trên màn hình thể hiện rõ hình ảnh đẹp, dễ quan sát. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về một loại đất, một loại rừng mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 13: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên một số biện pháp mà em biết để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã biện pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ngoài những biện pháp đó chúng ta còn những biện pháp nào nữa hay không? Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Thiên nhiên Việt Nam – Tiết 4"	- Cả lớp thi nhau kể: trồng cây gây rừng, sử dụng năng lượng mặt trời, không chặt phá cây,... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng....). - Cách tiến hành:	
 ▲ **Hình 11.** Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai	- Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: + Khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên + Dự báo và cảnh báo sớm thiên tai + Trồng rừng và bảo vệ rừng + Rèn luyện các kĩ năng phòng, chống thiên tai + Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo

- GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	(năng lượng mặt trời, gió, ...) + Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về vai trò cảu thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống con người theo bảng

- Cách tiến hành:

- GV cho Hs thảo luận nhóm làm bảng - GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe và thực hiện theo nhóm. - HS trình bày theo bảng dưới.

Thành phần thiên nhiên	Vai trò
Địa hình và khoáng sản	- Địa hình: + Địa hình đồi núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp và lâm nghiệp; một số vùng núi có lợi thế về thủy điện, khai thác khoáng sản và phát triển du lịch, … + Địa hình đồng bằng thuận lợi cho việc tập trung dân cư, hình thành các trung tâm kinh tế… - Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và một phần để xuất khẩu.
Khí hậu	- Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao. - Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

<u>TUẦN 4</u>: CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

<u>Bài 3</u>: Biển, đảo Việt Nam (T1)

<u>I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:</u>

1.Năng lực đặc thù:

-Phát triển năng lực tìm tòi khám phá thông qua việc xác định vị trí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Có khả năng sưu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất

-Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

-Trách nhiệm nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

+Lược đồ hoặc bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Kết nối những điều học sinh đã biết với những điều học sinh chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của học sinh để dẫn dắt vào bài mới. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 16).  ▲ Hình 1. Đảo Trường Sa Lớn (Khánh Hoà) + GV tổ chức cho HS thi kể tên một số đảo, quần đảo của Việt Nam thông qua trò chơi "Xì	- Cả lớp quan sát tranh. - HS kể tên một số đảo, quần đảo mà

điện". - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Với trên 3.260 km đường bờ biển và trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, bao gồm 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tiềm năng và lợi thế lớn về tài nguyên biển và hải đảo. Biển và hải đảo có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng như thế nào về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nhé.	em biết. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. - GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (trang 6), hãy xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.  GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.	- HS quan sát tranh, thảo luận và nêu xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. -Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. -Vùng biển có hàng nghìn đảo, tiêu biểu: +Đảo Bạch Long Vĩ, Cát Bà (Hải Phòng) +Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị) +Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) +Đảo Côn Sơn (Bà Rịa-Vũng Tàu) +Đảo Phú Quốc (Kiên Giang),… -Các quần đảo: +Quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng)

- GV chốt: Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Đường bờ biển của Việt Nam kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến mũi Cà Mau (Cà Mau). Trong vùng biển có hang nghìn đảo, nhiều đảo tập hợp thành quần đảo, trong đó lớn nhất là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - GV nhận xét, tuyên dương.	+Quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa) - Nhận xét lẫn nhau.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về vị trí địa lí vùng biển, các đảo, quần đảo Việt Nam. + Rèn luyện kĩ năng quan sát, ghi nhớ, thuyết trình, hợp tác nhóm. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: "Tôi yêu Việt Nam" - GV tổ chức trò chơi "Tôi yêu Việt Nam". - Luật chơi: GV chia HS thành 3 đội. Mỗi đội được cấp một bộ tranh ảnh về các đảo, quần đảo của Việt Nam. Nhiệm vụ của mỗi đội là sắp xếp các đảo, quần đảo theo khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.  -GV tổ chức cho HS chơi trong 5 phút. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. +Miền Bắc: đảo Cát Bà, Cô Tô. +Miền Trung: đảo Bình Ba, Lý Sơn, Cù Lao Chàm. +Miền Nam: đảo Phú Quốc, Phú Quý, Nam Du, Côn Sơn - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó giúp học sinh có ý thức giữ gìn vệ	

sinh, bảo vệ cảnh quan vùng biển, hải đảo. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS kể lại những cảnh quan biển, hải đảo mà em đã từng đến thăm. - GV đặt câu hỏi: Là một học sinh, theo em cần làm những gì để bảo vệ vẻ đẹp của biển đảo quê hương? - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS thi kể. Ví dụ minh họa: Em đã được đi đến vịnh Hạ Long. Nơi đây có gần 2000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều đảo đá, hang động và bãi tắm đẹp. Vịnh Hạ Long được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới. -HS trả lời. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

<u>TUẦN 4</u>: CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

<u>BÀI 3</u>: BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (T2)

<u>I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:</u>

1.Năng lực đặc thù:

-Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa)

- Có khả năng sưu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất

-Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

-Trách nhiệm nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

+Tranh ảnh, tư liệu về biển đảo và công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Kết nối những điều học sinh đã biết với những điều học sinh chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của học sinh để dẫn dắt vào bài mới.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV chiếu clip cho HS xem: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa.
- GV dẫn dắt vào bài mới:
Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã thấm sâu vào lòng người dân mọi miền đất nước như một "bằng chứng sống" về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Lễ này không chỉ nhằm tri ân những người lính trong đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa năm xưa đã hi sinh để bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Tổ quốc. Để hiểu được những hi sinh vất vả của cha ông trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp</td><td>- Cả lớp quan sát tranh.

- HS lắng nghe.</td></tr>
</table>

của Việt Nam ở Biển Đông thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nhé.	

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1. -Bước 1: GV tổ chức hoạt động nhóm, yêu cầu HS: vẽ sơ đồ tư duy về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông qua các thời kì: Chúa Nguyễn, triều Nguyễn, Pháp thuộc và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. -Bước 2: + Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày. + GV theo dõi quá trình làm việc của các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết, khuyến khích các nhóm có thể tự sáng tạo hình thức phù hợp miễn là đảm bảo yêu cầu cần đạt. -Bước 3: + GV mời đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả làm việc, các nhóm lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có) Trong khi HS trình bày sản phẩm, GV nêu thêm các nhiệm vụ mở rộng để khai thác triệt để các thông tin trong sách giáo khoa. +Chia sẻ điều em biết về đội Hoàng Sa. +Nêu việc làm của triều Nguyễn trong việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa thông qua đoạn tư liệu trong sách giáo khoa. -Bước 4: +GV nhận xét hoạt động, sản phẩm trình bày của	-HS thực hiện Ví dụ:  + Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc

các nhóm. +GV chốt kiến thức. *Thời Chúa Nguyễn, thế kỉ XVII, các Chúa Nguyễn cho lập đội Hoàng Sa và sau đó là đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản,… *Triều Nguyễn tiếp tục xác lập chủ quyền bằng cách cắm cờ, dựng cột mốc,… trên quần đảo Hoàng Sa, cho vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ, trong đó thể hiện rõ quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam. *Thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp đại diện cho chính quyền Việt Nam để thực hiện việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Người Pháp cho xây dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như: thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; ban hành các văn bản pháp luật, khẳng định chủ quyền biển, đảo; tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982;...đồng thời thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển đảo quê hương.	

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố nội dung bài học.

+ Kiểm tra mục tiêu bài học xem đã đạt chưa.

- Cách tiến hành:

-Thực hiện trong 10 phút. +Bước 1: Yêu cầu HS làm việc cá nhân câu 1 phần Luyện tập.	- HS thực hiện yêu cầu.

+Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý trong sách giáo khoa và vở. +Bước 3: GV tổ chức HS trình bày kết quả. +Bước 4: HS lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có) GV chốt: Tổ chức cho HS trao đổi bảng, chấm chéo dựa theo bảng gợi ý.	- HS trình bày kết quả. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. Gợi ý bảng hoàn thành:

Thời kì	Hoạt động
Các chúa Nguyễn	– Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản. – Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.
Triều Nguyễn	– Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. – Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. – Vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ*.
Thời Pháp thuộc	– Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. – Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	– Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. – Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo. – Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. – Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

- Cách tiến hành:

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. +Bước 1: GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet,... +Bước 2: Thảo luận ngoài giờ học để thực hiện nhiệm vụ. +Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả. +Bước 4: Nhận xét, đánh giá. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo hướng dẫn của GV.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS xem đoạn video tin tức thời sự về dân số Vệt Nam. - Yêu cầu HS ghi lại những suy nghĩ, nhận xét của HS:	- Cả lớp theo dõi, lắng nghe. - HS thực hiện.

- GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về đặc điểm của dân cư nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và các dân tộc ở nước ta, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 4 – Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.**	- Những điều em biết về dân cư Việt Nam + Việt Nam có dân cư đông đúc… + Việt Nam có nhiều dân tọc khác nhau sinh sống. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về quy mô dân số. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp với bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2021. + Cho biết số dân của nước ta năm 2021. + So sánh số dân của nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực	- HS đọc thông tin và tiềm hiểu bảng số liệu:

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Tên nước	Số dân (nghìn người)	Tên nước	Số dân (nghìn người)
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753	Cam-pu-chia	16 589
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880	Lào	7 425
Việt Nam	98 504*	Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601	Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798	Bru-nây (Brunei)	445
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574		

*(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022, * Số liệu Việt Nam lấy theo Niên giám thống kê 2022)*

+ Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á? + Việt Nam có số dân đứng thứ mấy ở Đông Nam Á? + Số dân Việt Nam nhiều hơn nước có số dân ít nhất Đông Nam Á bao nhiêu lần?	+ Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người). + Việt Nam có số dân đứng thứ 3 ở Đông Nam Á. + Việt Nam có dân số đông thứ 3 Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

- GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS báo cáo kết quả. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á + Giúp học sinh nhớ được số liêu về bảng dân số các nức Đông Nam Á + Kể được tên các nước Đong Nam A có trong bảng số liệu dân số. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh hơn** - Chuẩn bị: Tên đất nước, số liệu về dân số. - Cách chơi: Chơi theo nhóm., . Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi theo 2 nhóm. Các nhóm nhận số liệu và tên đất nước. Trong trong thời gian nhanh nhất gắn tên đất nước và liêu dân số đúng với tên đất nước. Nhóm nào thực hiên nhanh và chính xác nhất sẽ là nhóm thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về Việt Nam. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận xét được sự gia tang dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

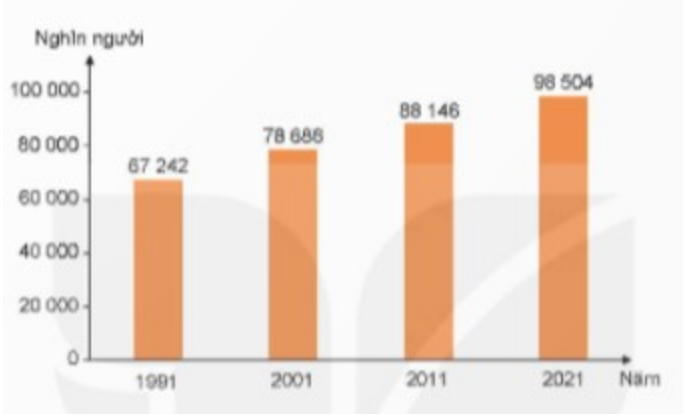
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

- GV cho HS nghe bài hát Bài ca dân số và nêu cảm nghĩ về bài hát. - GVmời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã nghe một bài hát về dân số, lợi ích của việc KHHGĐ. Để tìm hiểu kĩ hon về sự gia tăng dân số. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 2"	- HS lắng nghe. - HS nêu. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam.
+ Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về gia tăng dân số - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021 em hãy:  + Nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam	- HS trả lời câu hỏi: + Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình

giai đoạn 1991 – 2021. + Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam. Dân số tăng nhanh có tác động gì đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta? - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm. + Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. + Dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,…; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về gia tăng dân số của Việt Nam từ 1991 -2021. + Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Rung chuông vàng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về gia tăng dân số của Việt Nam từ 1991 -2021. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm.	

- Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

– Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.

– Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

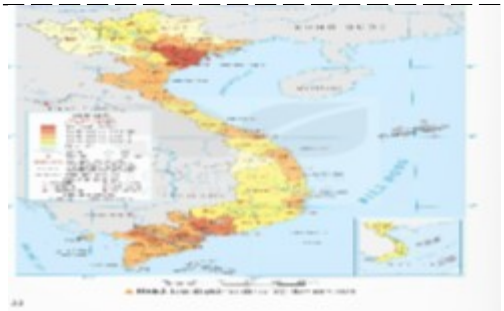
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV cho HS thi kể tên các thành phố ở Việt Nam.
- Em dự đớn dân số ở các thành phố đó như thế nào?
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:
Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên thành phố lớn, vậy mật độ dân số ở các vùng miền như thế nào. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 3”</td><td>- HS thi kể tên.
- HS trả lời.
- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Hoạt động khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.
+ Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1. Tìm hiểu về đặc điểm phân bố dân cư.
GV yêu cầu các cặp đôi quan sát lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:</td><td>- HS quan sát tìm hiểu thông tin:</td></tr>
</table>

+ Đọc bảng chú giải, cho biết có mấy mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số như thế nào? + Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số cao, các khu vực có mật độ dân số thấp. + Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm như thế nào? - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	 +Màu càng đậm thì mật độ dân số càng đông. + Dân cư tập trung chủ yếu ở các đồng bằng và thành phố lớn. + Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn. + Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng hợp lí nguồn lao động.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về phân bố dân cư ở nước ta.

+ Nêu được một số hậu quả do phân bố dân cư không đồng đều.

+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh ai đúng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức vềphân bố dân cư ở Việt Nam. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.

sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên các dân tộc ở Việt Nam. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam, vậy để biết được các dân tộc ấy ở vùng nào và nét văn hoá đặc sắc nào, thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 4"	- HS thi kể tên. - HS trả lời. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về dân tộc. ***a. Tìm hiểu về tên các dân tộc sinh sống ở nước ta.***	
GV tổ chức trò chơi kể tên các dân tộc ở Việt Nam, có thể chia đội hoặc theo cách "điền tiếp", "kể tiếp" không trùng lặp tên dân tộc.	- HS chơi theo hướng dẫn.
- GV nhận xét, tuyên dương. - GV chuẩn hoá lại tên các dân tộc, đồng thời có thể giới thiệu một số hình ảnh đặc trưng về trang phục, nhà ở, lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam	-HS lắng nghe. - Quan sát.
b. Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. GV chia HS thành các nhóm 4 – 6 HS, hướng dẫn HS đọc câu chuyện Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần Vương và Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở tân trào đối với Bác Hồ, kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện thể hiện tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	- HS tìm hiểu câu chuyện theo nhóm. + Chọn câu chuyện dự định kể. + Kể câu chuyện cho các bạn trong nhóm.
GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét.	- HS kể chuyện theo nhóm.
- GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm theo các tiêu chí dưới đây, tổng kết ý nghĩa của việc đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam trong thời kì dựng nước, giữ nước và phát	- HS lắng nghe.

triển kinh tế. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể một câu chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày, giọng kể và biểu cảm thế nào cho hấp dẫn	
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về các dân tộc ở nước ta. + Nêu nét văn hoá của dân tộc qua hình ảnh. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh ai đúng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về các dân tộc ở Việt Nam. - Chuẩn bị: Hình ảnh chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên chiếu hình ảnh trang phục rồi yêu câu học sinh nêu tên dân tôc có trang phuc đó. và sau thời gian suy nghĩ là 20 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về một số nét văn hoá của dân tộc của mình.	- Học sinh tham gia chia sẻ.

- GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS xem đoạn video tin tức thời sự về dân số Vệt Nam. - Yêu cầu HS ghi lại những suy nghĩ, nhận xét của HS: - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về đặc điểm của dân cư nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và các dân tộc ở nước ta, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 4 – Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.**	- Cả lớp theo dõi, lắng nghe. - HS thực hiện. - Những điều em biết về dân cư Việt Nam + Việt Nam có dân cư đông đúc… + Việt Nam có nhiều dân tọc khác nhau sinh sống. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1. Tìm hiểu về quy mô dân số. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp với bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2021. + Cho biết số dân của nước ta năm 2021. + So sánh số dân của nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực	- HS đọc thông tin và tiềm hiểu bảng số liệu:

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Tên nước	Số dân (nghìn người)	Tên nước	Số dân (nghìn người)
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753	Cam-pu-chia	16 589
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880	Lào	7 425
Việt Nam	98 504*	Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601	Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798	Bru-nây (Brunei)	445
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574		

(Nguồn: Liên hợp quốc, năm 2022, * Số liệu Việt Nam lấy theo Niên giám thống kê 2022)

+ Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?

+ Việt Nam có số dân đứng thứ mấy ở Đông Nam Á?

+ Số dân Việt Nam nhiều hơn nước có số dân ít nhất Đông Nam Á bao nhiêu lần?

- GV mời HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương.

+ Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).

+ Việt Nam có số dân đứng thứ 3 ở Đông Nam Á.

+ Việt Nam có dân số đông thứ 3 Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

- HS báo cáo kết quả.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á

+ Giúp học sinh nhớ được số liêu về bảng dân số các nức Đông Nam Á

+ Kể được tên các nước Đong Nam A có trong bảng số liệu dân số.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi:

- GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh hơn**
- Chuẩn bị: Tên đất nước, số liệu về dân số.
- Cách chơi: Chơi theo nhóm., . Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi theo 2 nhóm. Các nhóm nhận số liệu và tên đất nước. Trong trong thời gian nhanh nhất gắn tên đất nước và liêu dân số đúng với tên đất nước. Nhóm nào thực hiên nhanh và chính xác nhất sẽ là nhóm thắng cuộc.

- HS lắng nghe luật chơi.

- HS tham gia chơi.

- GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về Việt Nam. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận xét được sự gia tang dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

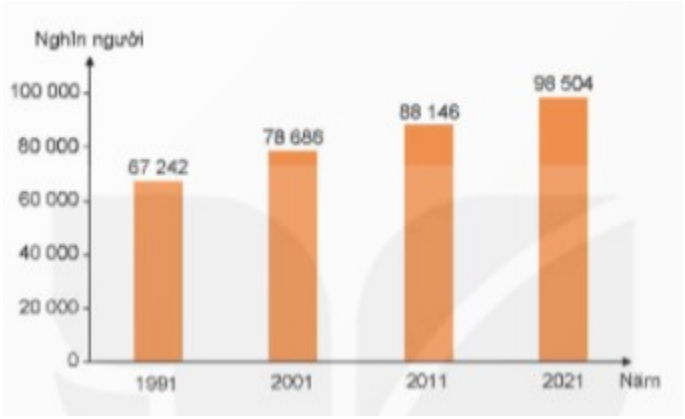
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS nghe bài hát Bài ca dân số và nêu cảm nghĩ về bài hát. - GVmời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã nghe một bài hát về dân số, lợi ích của việc KHHGĐ. Để tìm hiểu kĩ hon về sự gia tăng dân số. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 2"	- HS lắng nghe. - HS nêu. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam. + Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1. Tìm hiểu về gia tăng dân số - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn	- HS trả lời câu hỏi:

1991 – 2021 em hãy:  + Nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021. + Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam. Dân số tăng nhanh có tác động gì đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta? - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	+ Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm. + Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. + Dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,…; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về gia tăng dân số của Việt Nam từ 1991 -2021. + Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Rung chuông vàng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về	- HS lắng nghe luật chơi.

gia tăng dân số của Việt Nam từ 1991 -2021. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

– Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.

– Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên các thành phố ở Việt Nam. - Em dự đớn dân số ở các thành phố đó như thế nào? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên thành phố lớn, vậy mật độ dân số ở các vùng miền như thế nào. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 3”	- HS thi kể tên. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	

- Mục tiêu:

+ Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.

+ Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về đặc điểm phân bố dân cư.	
GV yêu cầu các cặp đôi quan sát lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:	- HS quan sát tìm hiểu thông tin: 
+ Đọc bảng chú giải, cho biết có mấy mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số như thế nào?	+Màu càng đậm thì mật độ dân số càng đông.
+ Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số cao, các khu vực có mật độ dân số thấp.	+ Dân cư tập trung chủ yếu ở các đồng bằng và thành phố lớn.
+ Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm như thế nào?	+ Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn. + Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng hợp lí nguồn lao động.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về phân bố dân cư ở nước ta.

+ Nêu được một số hậu quả do phân bố dân cư không đồng đều.

+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh ai đúng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức vềphân bố dân cư ở Việt Nam. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên các dân tộc ở Việt Nam. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam, vậy để	- HS thi kể tên. - HS trả lời.

biết được các dân tộc ấy ở vùng nào và nét văn hoá đặc sắc nào, thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: "Dân số và đân tộc Việt Nam Tiết 4"	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1. Tìm hiểu về dân tộc. ***b. Tìm hiểu về tên các dân tộc sinh sống ở nước ta.*** GV tổ chức trò chơi kể tên các dân tộc ở Việt Nam, có thể chia đội hoặc theo cách "điền tiếp", "kể tiếp" không trùng lặp tên dân tộc. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chuẩn hoá lại tên các dân tộc, đồng thời có thể giới thiệu một số hình ảnh đặc trưng về trang phục, nhà ở, lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam b. Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. GV chia HS thành các nhóm 4 – 6 HS, hướng dẫn HS đọc câu chuyện Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần Vương và Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở tân trào đối với Bác Hồ, kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện thể hiện tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét.	- HS chơi theo hướng dẫn. -HS lắng nghe. - Quan sát. - HS tìm hiểu câu chuyện theo nhóm. + Chọn câu chuyện dự định kể. + Kể câu chuyện cho các bạn trong nhóm. - HS kể chuyện theo nhóm.

- GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm theo các tiêu chí dưới đây, tổng kết ý nghĩa của việc đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam trong thời kì dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể một câu chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày, giọng kể và biểu cảm thế nào cho hấp dẫn	- HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về các dân tộc ở nước ta. + Nêu nét văn hoá của dân tộc qua hình ảnh. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh ai đúng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về các dân tộc ở Việt Nam. - Chuẩn bị: Hình ảnh chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên chiếu hình ảnh trang phục rồi yêu câu học sinh nêu tên dân tôc có trang phuc đó. và sau thời gian suy nghĩ là 20 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và	

năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về một số nét văn hoá của dân tộc của mình. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

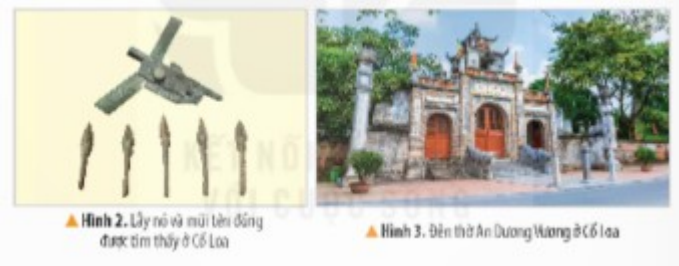
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu câu ca dao: Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba. + Ngày giỗ tổ mà câu ca dao nhắc đến là ngày giỗ của ai? + Em biết gì về các vua Hùng? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS theo dõi + Ngày giỗ của vua Hùng. + HS trả lời theo hiểu biết. - HS lắng nghe.
2. Khám phá: **1. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang, nhà nước Âu Lạc** - Mục tiêu: + Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang (làm việc nhóm 4) - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi: + Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?	 - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: + Khoảng thế kỉ VII TCN

+ Nhà nước Văn Lang được hình thành ở khu vực nào? + Sự ra đời của nhà nước Văn Lang được phản ánh thông qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học nào? + Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai? + Kinh đô nước Văn Lang đặt ở đâu? - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương và giới giới thiệu một số hiện vật thuộc văn hóa Đông Sơn ở hình 1:	+ Hình thành ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay. + Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên và bằng chứng khảo cổ học thuộc nền văn hóa Đông Sơn như: lưỡi cày, rìu, đồ gốm, trống đồng. + Hùng Vương + Phong Châu (Phú Thọ) - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - HS lắng nghe.
 a. Rìu đồng b. Trống đồng + Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hài, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như hình người, hình động vật. + Trống đồng Đông Sơn được phát hiện đầu tiên tại Đông Sơn (Thanh Hóa). Trống đồng là nhạc cụ sử dụng trong các lễ hội, vừa là trống lệnh trong chiến đấu. - GV cho HS xem video sự ra đời của nhà nước Văn Lang qua sự tích ***con Rồng cháu Tiên***: https://www.youtube.com/watch?v=s4D8W1Rajns - GV kết luận: *Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII trước công nguyên ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay. Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương, kinh đô được đặt ở Phong Châu thuộc tỉnh Phú*	- HS xem video. - HS lắng nghe.

Thọ ngày nay. **Hoạt động 2: Sự ra đời của nhà nước Âu Lạc (làm việc nhóm đôi)** - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 2, 3 và trả lời các câu hỏi: + Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng thời gian nào?  ▲ Hình 2. Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa ▲ Hình 3. Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa + Đứng đầu nhà nước Âu lạc là ai? + Kinh đô nước Âu Lạc đặt ở đâu? - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu hình 2 và 3: + Hình 2: Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa: Các mũi tên đồng được cấu tạo gồm 3 bộ phận: đầu nhọn, trụ và chuôi cùng có mặt cắt ngang hình tam giác. + Hình 3: Đền thờ An dương Vương ở Cổ Loa: còn gọi là đền thượng nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP hà Nội.	- HS quan sát tranh, đọc thông tin và thảo luận trả lời câu hỏi: + Nước Âu lạc ra đời vào khoảng năm 208 TCN. + Thục Phán – An Dương Vương + Kinh đô đặt ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận - HS chú ý lắng nghe.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành:	
- Đất nước ta đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là học sinh các em cần phải làm gì để xây đựng đất nước ngày càng giàu đẹp? - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số di tích	+ HS trả lời theo hiểu biết Ví dụ: thực hiện tốt năm điều Bác hồ dạy - HS lắng nghe và thực hiện

lịch sử liên quan đến thời Văn Lang, Âu Lạc trên sách báo, internet, ... - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	 - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế của nhà nước Văn lang, Âu Lạc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Thông điệp bí ẩn - Luật chơi: GV lần lượt nêu những gợi ý về 1 câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam. HS	- HS chơi trò chơi.

đoán tên câu chuyện càng nhanh càng tốt để nhận 1 phần quà của GV. - Gợi ý: + Câu chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ sáu. + Hùng Vương muốn nhường ngôi nên nghĩ cách tìm người tài + Nhắc đến một phong tục tập quán ngày tết + Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, bánh hình tròn tượng trưng cho trời - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- Sự tích bánh trưng, bánh giầy - HS lắng nghe.
2. Khám phá: 2. Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc **-** Mục tiêu: + Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế của nhà nước Văn lang, Âu Lạc. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (Thảo luận nhóm 4) - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin, quan sát hình 4 đến 6 và trả lời các câu hỏi: + Mô tả những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?  ▲ Hình 4. Nồi gốm ▲ Hình 5. Lưỡi cày đồng ▲ Hình 6. Vòng tay bằng đồng - GV cho đại diện các nhóm trình bày. - GV nhận xét và tuyên dương, giới thiệu hình 4, 5, 6 và kết luận: ***Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có đời sống kinh tế khá đa dạng:*** ***+ Nông nghiệp: làm ruộng. Họ trồng lúa,***	- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: + Nghề chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải; Biết đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ... - Đại diện các nhóm trình bày - HS lắng nghe.

khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải ***+ Thủ công nghiệp: đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ...*** **Hoạt động 2: Kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh (làm việc cá nhân)** - GV yêu cầu HS kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh - GV yêu cầu HS kể trước lớp - GV gọi HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương và hỏi: + Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc? - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh trưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... Đồng thời cho thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc cũng thường xuyên đối phó với lũ lụt để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.***	 - HS kể chuyện cá nhân - 2 đến 3 HS kể trước lớp - HS nhận xét - HS lắng nghe và trả lời + Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh trưng, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về câu chuyện truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.	- Học sinh lắng nghe.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn lang, Âu Lạc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Thông điệp bí ẩn - Luật chơi: GV lần lượt nêu những gợi ý về 1 câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam. HS đoán tên câu chuyện càng nhanh càng tốt để nhận 1 phần quà của GV. - Gợi ý: + Câu chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ mười tám + Lý giải về một hiện tượng thiên nhiên, thời tiết + liên quan đến phong tục kén rể ngày xưa + Gồm các nhân vật: Sơn Tinh, Thủy Tinh - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS chơi trò chơi - Câu chuyện: Sơn Tinh, Thủy Tinh - HS lắng nghe.
2. Khám phá: **3. Công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn lang, Âu lạc** **-** Mục tiêu: + Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn lang, Âu Lạc. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nhước văn Lang, Âu Lạc (làm việc nhóm 6) - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sgk và trả lời các câu hỏi: + Cuối thế kỉ III trước công nguyên, nước Văn Lang bị quân nào xâm lược? + Người Việt đã tôn ai lên làm tướng lãnh đạo nhân dân kháng chiến? Kết quả ra sao?	- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: + Bị quân Tần xâm lược + Người Việt đã tôn Thục Phán lên làm tướng lãnh đạo nhân dân kháng

+ Vì sao cuộc xâm lược của quân tần lại thất bai?	chiến. Kết quả quân Tần thất bại. + Do người Việt yêu nước, đoàn kết,...
+ Công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn lang và nhà nước Âu Lạc còn được phản ánh qua những câu chuyện nào? - GV mời đại diện các nhóm trình bày	+ Câu chuyện như: Thánh Gióng, sự tích nỏ thần,... - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong đó: nhà nước Văn Lang chống quân Tần. Nhà nước Văn Lang chống quân Triệu Đà.	- HS lắng nghe.
Hoạt động 2: Kể chuyện chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu lạc (thảo luận nhóm đôi) - GV yêu cầu HS kể lại một trong câu chuyện "Thánh Gióng" hoặc "Sự tích nỏ thần" - GV mời đại diện các nhóm kể trước lớp - GV nhận xét, tuyên dương và hỏi: + Câu chuyện em vừa kể để lại cho chúng ta bài học gì?	- HS kể trong nhóm. - Đại diện các nhóm kể - HS lắng nghe. + Ví dụ câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại bài học: không được chủ quan để mắc mưu kẻ thù, luôn cảnh giác với kẻ thù, luôn đoàn kết chống lại giặc ngoại xâm,...
- GV kết luận: ***Nhà nước Văn lang và nhà nước Âu lạc đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm giành thắng lợi. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại, từ đây nước ta rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm. Câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại cho chúng ta bài***	- Lắng nghe

học về sự cảnh giác đối với kẻ thù, không được chủ quan, lơ là trước kẻ địch.	

3. Luyện tập

- Mục tiêu:

+ Củng cố lại nội dung bài học

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Hoàn thành bảng - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập  - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng **Hoạt động 2: Kể một truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang hoặc Âu Lạc** - GV gọi HS đọc yêu cầu - Em biết những câu chuyện nào khác? - Yêu cầu học sinh chọn câu chuyện và kể nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm kể trước lớp - GV nhận xét, tuyên dương	- HS thảo luận thực hiện yêu cầu của GV - Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi - Sự tích bánh chưng, bánh giầy, sự tích trầu cau, sự tích quả dưa hấu,... - HS chọn câu chuyện và kể nhóm đôi - Đại diện nhóm kể - HS lắng nghe

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Thế kỉ VII TCN	Khoảng 208 TCN
Kinh đô	Phong Châu	Cổ Loa
Người đứng đầu	Hùng Vương	An Dương Vương

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục sưu tầm những câu chuyện khác liên quan đến nhà nước Văn Lăng, Âu Lạc trên sách, internet,... - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe và thực hiện - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
Bài 6: VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.

- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng giá trị văn hóa của vương quốc Phù nam để lại.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Nâng cao nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay vốn có nguồn gốc bản địa lâu đời. Có ý thức tuyên truyền, giới thiệu về những giá trị văn hóa của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 sgk và hỏi:	- HS quan sát

+ Hình 1 vẽ gì? - GV giới thiệu: Bình gốm Nhơn Thành là một trong những hiện vật tiêu biểu của vương quốc Phù Nam. Là minh chứng cho giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ của vuong quốc Phù Nam. Em hãy chia sẻ những điều em biết về vương quốc này? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	+ Vẽ bình gốm Nhơn Thành - HS lắng nghe và chia sẻ. - HS lắng nghe.
2. Khám phá: **-** Mục tiêu: + Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Sự thành lập của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm đôi) - GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 2, 3 trong sgk và trả lời các câu hỏi: + Vương quốc Phù Nam được thành lập vào khoảng thời gian nào? ở đâu? + Những bằng chứng nào chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam? + Hãy kể lại truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp?	 - HS quan sát hình, đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: + Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay. + Truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng những bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang) chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam. + HS kể trong nhóm - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.




- GV mời đại diện các nhóm trình bày
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, sự ra đời và phát triển của vương quốc này gắn với truyền thuyết Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang). Địa bàn cư trú của cư dân Phù nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay.***

Hoạt động 2: Một số hiện vật khảo cổ học của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm 4)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình từ 4 đến 7 và trả lời câu hỏi:



+ Kể tên những hiện vật của cư dân Phù Nam

- HS lắng nghe.

- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ học phát hiện là: Nền móng kiến trúc; bếp đun; đồ gốm; tiền kim loại, đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,..

+ Phản ánh đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần của cư dân Phù Nam khá phát triển và phong phú.

+ Ví dụ:

Hiện vật	Chất liệu	Màu sắc	Kiểu dáng
Đồng tiền kim loại	Kim loại	Trắng bạc	Hình tròn có các hoa văn
Cà ràng	Đất nung	Nâu	Hình trụ, có 3 cạnh

			để kê nồi,
Khuyên tai bằng vàng	Vàng	Vàng	Hình tròn có khắc hoa văn
Tượng phật	Gỗ	Nâu	Tượng phật đứng trên tòa sen mặc áo cà sa

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe

được các nhà khảo cổ học phát hiện?

+ Những hiện vật đó phản ánh điều gì?



▲ Hình 6. Khuyên tai bằng vàng của cư dân Phù Nam được phát hiện ở An Giang

▲ Hình 7. Tượng Phật Bình Hòa (Long An)

+ Lựa chọn và mô tả một hiện vật của vương quốc Phù Nam?

- GV mời đại diện các nhóm trình bày

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau được phát hiện chứng tỏ cư dân Phù Nam có đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần khá phát triển.***

3. Luyện tập

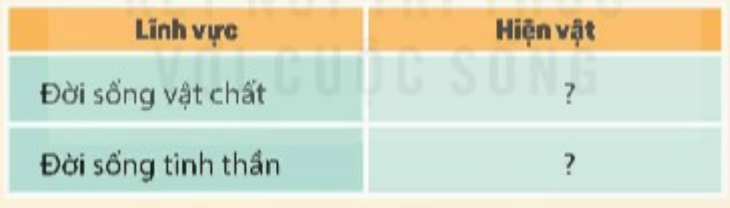
- Mục tiêu:

+ Củng cố lại nội dung bài học

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam (cá nhân) - GV gọi HS đọc yêu cầu - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân: + Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam? - GV mời HS trả lời	- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi - HS làm việc cá nhân + Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học. - 1 HS trả lời, HS khác nhận xét

<table>
<tr>
<td>- GV nhận xét, tuyên dương

Hoạt động 2: Hoàn thành bảng (nhóm đôi)
- GV gọi HS đọc yêu cầu
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi
 
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Hiện vật</th></tr>
<tr><td>Đời sống vật chất</td><td>?</td></tr>
<tr><td>Đời sống tinh thần</td><td>?</td></tr>
</table>

- GV mời đại diện các nhóm trình bày
- GV nhận xét, tuyên dương</td>
<td>- HS lắng nghe

- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi
- HS thảo luận nhóm đôi
<table>
<tr><td>Lĩnh vực</td><td>Hiện vật</td></tr>
<tr><td>Đời sống vật chất</td><td>Nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,...</td></tr>
<tr><td>Đời sống tinh thần</td><td>Đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,...</td></tr>
</table>
- Đại diện các nhóm trình bày
- HS lắng nghe</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="2">4. Vận dụng trải nghiệm.
- Mục tiêu:
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Cách tiến hành:</td>
</tr>
<tr>
<td>- GV yêu cầu HS về nhà viết một bức thư ngắn giới thiệu về vương quốc Phù Nam cho một người bạn của em
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</td>
<td>- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="2">IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:
.....
.....
.....</td>
</tr>
</table>

<u>TUẦN 9</u>:

Bài 7: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học lịch sử và địa lí: Trình bày được vị trí của một số đền tháp Chăm-pa.

- Tìm hiểu lịch sử địa lí: Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay. Kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa; mô tả được một số đền tháp Chăm-pa có sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử…

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, …) về đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ, phát hiện một số vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và đưa ra cách giải quyết các vấn đề đó.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến đền tháp Chăm-pa.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào về các đền tháp Chăm-pa.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vương quốc Chăm-pa.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn đền tháp Chăm-pa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh ảnh và câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

- Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về Tháp Nhạn (Phú Yên), về đền tháp Chăm-pa và giới thiệu: Đây là một trong	- HS quan sát hình ảnh. - HS lắng nghe.

những tháp Chăm tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.  ▲ Hình 1. Tháp Nhạn (Phú Yên) - GV yêu cầu HS: + Kể tên các đền tháp Chăm khác mà em biết. + Hãy chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS trình bày theo sự hiểu biết của mình. + Kể tên ..... + Chia sẻ ..... - HS khác nhận xét, góp ý. - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + HS kể được tên và xác định được trên lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.. + Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử …), mô tả được một đền tháp Chăm-pa. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Giới thiệu về đền tháp Chăm-pa. - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK trang 33 (Hoạt động cá nhân).	- HS quan sát lược đồ.



▲ Hình 2. Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay

- GV nêu câu hỏi:

+ Kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa trên lược đồ.

- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn bên cạnh.

- GV mời nhóm trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS trả lời câu hỏi.

+ HS kể tên và xác định vị trí.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lắng nghe.

Hoạt động 2: Mô tả về đền tháp Chăm-pa.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (SGK trang 33).

- HS đọc thông tin và quan sát.


▲ **Hình 3.** Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm mô tả những nét chính của Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

- GV mời nhóm trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS thảo luận nhóm.

- GV mở rộng thêm: Thánh địa Mỹ Sơnđược phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1995. - GV yêu cầu HS quan sát hình 4 (SGK trang 34) và giảng giải: Tháp Bánh ít hay còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Bên trong tháp chính đặt tượng nữ thần Shiva toạ trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Shiva bằng đá.	- Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS quan sát.  ▲ **Hình 4.** Tháp Bánh Ít (Bình Định)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV đưa lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt nam hiện may, mời HS tham gia trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng" + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một bạn tham gia theo lần lượt. Xác định một số đền tháp Chăm. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc. + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. + Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

TUẦN 9:

Bài 7: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học lịch sử và địa lí: Trình bày được vị trí của một số đền tháp Chăm-pa.

- Tìm hiểu lịch sử địa lí: Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay. Kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa; mô tả được một số đền tháp Chăm-pa có sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử…

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Sưu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, …) về đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ, phát hiện một số vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và đưa ra cách giải quyết các vấn đề đó.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến đền tháp Chăm-pa.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào về các đền tháp Chăm-pa.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vương quốc Chăm-pa.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn đền tháp Chăm-pa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh ảnh và câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

- Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<table>
<tr><td colspan="2">- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về các đền tháp đền tháp, yêu cầu HS xác định đền tháp Chăm và chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm đó.
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</td><td>- HS quan sát hình ảnh.
- HS xác định đền tháp Chăm.
- HS chia sẻ.
- HS khác nhận xét, góp ý.

- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Khám phá:
- Mục tiêu:
+ HS kể được tên và xác định được trên lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay..
+ Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử …), mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Hoạt động. Kể chuyện về đền tháp Chăm. (Làm viec theo nhóm).
- GV yêu cầu HS quan sát hình 5 (SGK trang 34) theo cặp và đọc thông tin về câu chuyện lịch sử “Tháp Pô Klong Ga-rai”.
 
▲ Hình 5. Tháp Pô Klong Ga-rai (Ninh Thuận)
- GV yêu cầu HS quan sát hình 6 (SGK trang 35) và đọc thông tin về câu chuyện lịch sử “Sự tích Tháp Bà Pô Na-ga”.</td><td>- HS quan sát và đọc thông tin.

- HS quan sát và đọc thông tin.</td></tr>
</table>



▲ **Hình 6.** Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hoà)

- GV yêu cầu HS thảo luận kể lại câu chuyện lịch sử về "Tháp Pô Klong Ga-rai" và "Sự tích Tháp Bà Pô Na-ga" theo cách cua em.
- GV phát cho mỗi nhóm 1 Phiếu đánh giá kể chuyện theo các tiêu chí và thang điểm. Nhóm nào có số điểm cao nhất sẽ nhận được một pần quà.

- GV tổ chức cho các nhóm trình bày.
- GV yêu cầu nhóm khác chú ý nghe rồi nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí trong
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động 2: Mô tả về đền tháp Chăm-pa.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (SGK trang 33).

- HS thảo luận.

- Nhóm nhận Phiếu đánh giá

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	– Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm nhẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	**1 điểm**	**0.5 điểm**
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	**2 điểm**	**1 điểm**
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	**3 điểm**	**1 điểm**

- Đại diện nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.
- HS đọc thông tin và quan sát.



▲ **Hình 3.** Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm mô tả những nét chính của Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). - GV mời nhóm trình bày. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV mở rộng thêm: Thánh địa Mỹ Sơnđược phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1995. - GV yêu cầu HS quan sát hình 4 (SGK trang 34) và giảng giải: Tháp Bánh ít hay còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Bên trong tháp chính đặt tượng nữ thần Shiva toạ trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Shiva bằng đá.	- HS thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS quan sát và lắng nghe.  ▲ **Hình 4.** Tháp Bánh Ít (Bình Định)

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Mở rộng kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Giúp HS tìm hiểu thêm về một số đền tháp Chăm.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng về các	- HS hoàn thành bảng.

đền tháp Chăm ở Việt Nam.

PHIẾU HỌC TẬP

STT	TÊN ĐỀN THÁP	ĐỊA ĐIỂM (TỈNH, THÀNH PHỐ)
1	Thánh địa Mỹ Sơn	Quảng Nam
2		
3		
4		
5		

- Gv mời đại diện nhóm trình bày.
- GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS hoàn thành Bảng mô tả về các đền tháp Chăm ở Việt Nam. (HS có thể trang trí thêm theo sáng tạo của mình).

- GV yêu cầu nhóm nào thực hiện xong sẽ trưng bày sản phẩm của nhóm ở Góc trưng bày sản phẩm.

- GV yêu cầu mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.
- GV tổ chức cho cả lớp đến tham quan sản phẩm của nhóm và bình chọn sản phẩm.
- GV nhận xét kết quả các nhóm, tuyên dương.

- Đại diện nhóm trình bày.
- HS lắng nghe.
- HS hoàn thành Bảng mô tả.
(HS đã chuẩn bị hình ảnh sưu tầm về các đền tháp Chăm).



- Nhóm trưng bày sản phẩm.
- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lần lượt đến tham quan sản phẩm của nhóm bạn và bình chọn.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV đưa lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện may.	

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng" + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một bạn tham gia. Các bạn lần lượt xác định một số đền tháp Chăm. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. - Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

BÀI 9: TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG (TIẾT 2)
TRIỀU LÝ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học lịch sử:

- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý Thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên Phi Ỷ Lan, Từ Đạo Hạnh,…

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực vận dụng kiến thức, kĩ năng để tìm hiểu về lịch sử triều đại nhà Lý.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo : Kể được một số câu chuyện về các nhân vật tiêu biểu thời nhà Lý
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về các tư liệu lịch sử thời nhà Lý. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

- Phẩm chất trách nhiệm : bồi dưỡng tinh thần yêu nước lòng tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc thông qua việc giữ gìn phát huy di sản của thời Lý .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

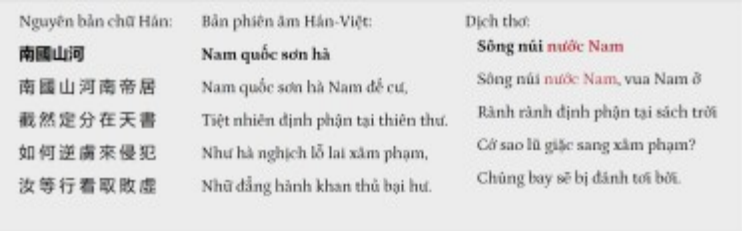
- SGK, phiếu bài tập, bảng nhóm, tranh ảnh, câu chuyện và tư liệu liên quan đến triều Lý như: Lý Công Uẩn Lý Thường Kiệt Nguyên Phi Ỷ Lan Từ Đạo Hạnh,…

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi " Ô cửa bí mật". Luật chơi như sau: Phía sau ô cửa của chúng ta là một bức tranh. Để lật mở được bức tranh em phải trả lời 4 câu hỏitrắc nghiệm. Các em sẽ dùng bảng con để ghi chữ cái trước đáp án đúng. **Câu 1:** Vua Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay) vào năm nào? A. 1005 B. 1020 C. 1009 D. 1010 **Câu 2:** Vì sao vua Lý Thái Tổ dời đô về Đại La? A. Vì đây là vùng đất giàu có, nhiều của cải, vàng bạc. B. Vì đây là vùng đất rộng, lại bằng phẳng, dân cư khổ vì ngập lụt. C. Vì đây là vùng đất mà giặc không dám đặt chân đến. D. Vì đây là trung tâm của đất nước, đất rộng không bị ngập lụt. **Câu 3:** Kinh đô cũ của nước ta trước khi rời đô ra thành Đại La tên là gì?	- Đáp án D - Đáp án D - Kinh đô Hoa Lư? (Ninh Bình) (HS viết bảng con)

Câu 4: Tên thật của vua Lý Thái Tổ là gì? - GV mở bức tranh trong ô cửa bí mật là Hoàng thành Thăng Long.  - Năm 1010, Vua Lý Thái Tổ sau khi dời đô từ Hoa Lư đã cho xây dựng Kinh Thành Thăng Long trong đó có Hoàng thành(nơi làm việc của vua và triều đình). Vào năm 2010, Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới. Ngoài Hoàng Thành ra thì triều đình nhà Lý còn có những đóng góp gì cho dân tộc, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.	- Lý Công Uẩn.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý Thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử như Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên Phi Ỷ Lan, Từ Đạo Hạnh,… + Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử Câu Chuyện Văn bản, tranh ảnh liên quan đến triều Lý. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1:Tìm hiểu về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của triều Lý : - GV gọi HS đọc nội dung trong SGK/42 - Đọc thông tin, em hãy thảo luận nhóm 4 và ghi vào bảng nhóm một số nét chính về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của triều Lý. - GV tổ chức cho các cặp chia sẻ và cả lớp thảo luận các cặp đôi khác lắng nghe xét bổ sung - GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các cặp và phần thảo luận của cả lớp.	- HS đọc thông tin trong sách giáo khoa - Hs làm việc cá nhân, thảo luận nhóm. - Đại diện nhóm chia sẻ

=> GV chốt: Để có được những thành tựu ấy, đất nước Đại Việt đã có rất nhiều người tài giúp nước, nổi bật nhất là Lý Thường Kiệt. Vậy ông có công lao như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu trong HĐ 2. **Hoạt động 2: Công lao của Lý Thường kiệt** - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện lịch sử Lý Thường Kiệt và cuộc chiến chống quân Tống rồi thảo luận nhóm đôi nêu những công lao của ông. => Gv chốt : Không chỉ là một nhà quân sự,	- Hoàn thiện bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương. - Chú trọng phát triển kinh tế, khuyến khích sản xuất nông nghiệp nhờ gió mùa màng bội thu - Phật Giáo phát triển. - Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Tống giành thắng lợi. - HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  Câu chuyện Lịch sử LÝ THƯỜNG KIỆT VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG Khi quân Tống chuẩn bị xâm lược nước ta, Triều đình đã cử Lý Thường Kiệt làm Tổng chỉ huy cuộc kháng chiến. Với chủ trương "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc", Lý Thường Kiệt đã cho quân tập kích, phá tan các căn cứ của nhà Tống ở gần biên giới Đại Việt để giành thế chủ động. Năm 1076, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tiến đánh nước ta. Lý Thường Kiệt cho xây dựng phòng tuyến bên bờ bắc sông Như Nguyệt (Bắc Ninh) để chặn thế giặc. Quách Quỳ cho quân tấn công nhiều lần nhưng chúng không thể phá được phòng tuyến của ta. Mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt cho quân đánh thẳng vào doanh trại quân Tống. Tương truyền, để khích lệ tinh thần quân sĩ, ông cho người vào đền thờ bên bờ sông, ngâm vang bài thơ Nam quốc sơn hà. Quân sĩ hăng hái xông thẳng vào doanh trại địch. Quân Tống khiếp đảm, giẫm đạp lên nhau mà chạy, chết đến quá nửa. Ngay lúc ấy, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hoà. Quách Quỳ mừng rỡ, liền đồng ý và vội vàng họ lệnh rút quân về nước. Cuộc kháng chiến chống Tống kết thúc thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. (Theo Đỗ Đức Hùng, Danh tướng trong lịch sử Việt Nam, NXB Thanh niên, 2010) Hình 4. Tượng đài Lý Thường Kiệt tại đền thờ Lý Thường Kiệt (Bắc Ninh) - Hs đọc rồi thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. - Công lao của ông LTK: lãnh đạo nhân dân đánh tan quân Tống xâm lược năm 1077.

nhà chính trị , ông còn để lại cho hậu thế rất nhiều áng thơ hay mà nổi tiếng nhất là bài thơ Nam Quốc Sơn Hà được xem như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của đất nước ta.  Nguyên bản chữ Hán: / Bản phiên âm Hán-Việt: / Dịch thơ: 南國山河 / Nam quốc sơn hà / Sông núi nước Nam 南國山河南帝居 / Nam quốc sơn hà Nam đế cư, / Sông núi nước Nam, vua Nam ở 截然定分在天書 / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư. / Rành rành định phận tại sách trời 如何逆虜來侵犯 / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, / Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm? 汝等行看取敗虛 / Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư. / Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời. - Không chỉ có Lý Thường Kiệt, nước Đại Việt thời Nhà Lý còn có rất nhiều người tài giỏi, có công với đất nước, chúng mình hãy cùng nhau tìm hiểu qua hoạt động luyện tập.	
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Học sinh kể được câu chuyện về một số nhân vật tiêu biểu thời Lý. - Cách tiến hành:	
- Gv yêu cầu HS ghi vào giấy nháp tên một số nhân vật tiêu biểu thời nhà Lý và công lao của họ đối với đất nước. - Thảo luận nhóm đôi theo hình thức Lẩu băng chuyền, nói cho nhau nghe những điều em biết. - Gv yêu cầu học sinh lựa chọn câu chuyện kể trong nhóm đôi cho nhau nghe về một số nhân vật tiêu biểu thời nhà Lý. - GV nhận xét, đánh giá phần kể chuyện .	- Hs làm việc cá nhân. - Thảo luận nhóm. - HS trình bày ý kiến: - Nguyên Phi Ỷ Lan giúp Vua Lý Thánh Tông vua Lý Nhân Tông trị nước. - Từ Đạo Hạnh là một thiền sư nổi tiếng, người đã đặt nền móng cho Phật Giáo mang bản sắc dân tộc. - HS TL nhóm đôi - Hs kể.
4. Vận dụng: - Mục tiêu:	

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học lịch sử + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ những điều em biết về triều đình nhà Lý. - Kể tên các vị vua nhà Lý mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà tiếp tục tìm hiểu, sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử, câu chuyện, văn bản, tranh ảnh liên quan đến triều Lý.	- Học sinh tham gia chia sẻ Lý Thái Tổ (1010-1028) Lý Thái Tông (1028-1954) Lý Thánh Tông (1054-1072) Lý Nhân Tông (1072-1127) Lý Thần Tông (1127-1138) Lý Anh Tông (1138-1175) Lý Cao Tông (1175-1210) Lý Huệ Tông (1210-1224) Lý Chiêu Hoàng (1224-1225)

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 9: TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG (TIẾT 3)
LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học lịch sử: Năm được những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới thời nhà Lý.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực vận dụng kiến thức, kĩ năng để tìm hiểu về lịch sử triều đại nhà Lý.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện được những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới thời nhà Lý. Kể được câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu thời nhà Lý.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về các tư liệu lịch sử thời nhà Lý. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.
- Phẩm chất trách nhiệm : bồi dưỡng tinh thần yêu nước lòng tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc thông qua việc giữ gìn phát huy di sản của thời Lý .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, phiếu bài tập, bảng nhóm, tranh ảnh, câu chuyện và tư liệu liên quan đến vua Lý Công Uẩn, tác phẩm Chiếu Dời Đô.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông Vàng. - GV phổ biến luật chơi: có 4 câu hỏi , mỗi câu hỏi các em suy nghĩ trong 10 giây rồi chọn 1 đáp án đúng bằng cách viết vào bảng con. **Câu 1:** Khi còn nhỏ, vua Lý Thái Tổ đã theo học ai ? A. Nhà sử học Ngô Sỹ Liên.	- HS chơi trò chơi - Đáp án : 1B

B. Nhà sư Vạn Hạnh. C. Võ Tướng Trần Hưng Đạo. D. Quan ngự sử Trương Đỗ. **Câu 2:** Nhân vật làm nổi bật lên vai trò của một người phụ nữ trong việc trị nước dưới thời Lý là: **A. Nguyên Phi Ỷ Lan** B. Linh Chiếu Hoàng thái hậu. C. Chiêu Linh Hoàng thái hậu. D. Đàm Thái hậu. **Câu 3:** Câu nào sau đây **không** phải một câu thơ trong bài thơ "Nam quốc sơn hà"? (bản dịch) A. Sông núi nước Nam vua Nam ở. B. Rành rành định phận ở sách Trời. C. Cớ sao chúng bay tới xâm phạm. **D. Ta phải đánh cho quân giặc lùi.** **Câu 4:** Trong khoảng thời gian năm (1075 – 1077), Triều Lý đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân xâm lược nào? A. Thanh **B. Tống** C. Ngô D. Đường => Gv chốt đáp án đúng và tuyên dương. - Giới thiệu bài.	- Đáp án: 2A - Đáp án: 3D - Đáp án: 4B
2. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố lại nội dung bài học. - Cách tiến hành:	
Hoạt động luyện tập 1: - Học sinh đọc yêu cầu 1 trong SGK phần luyện tập trang 43. - Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính	

của lịch sử Việt Nam dưới triều Lý.

- Học sinh làm việc nhóm 6.



- GV nhận xét, tuyên dương nhóm vẽ đúng, đẹp.



Hoạt động luyện tập 2: Kể chuyện về một nhân vật lịch sử .

- HS đọc yêu cầu bài 2.

- Hs thảo luận cách vẽ.

- Tiêu chí đánh giá sơ đồ tư duy:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

Tiêu chí		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức	Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm nhẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
		2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
	Hình thức sản phẩm	– Vẽ đúng hình thức của sơ đồ tư duy. – Có hình ảnh minh hoạ. – Có màu sắc khác nhau để phân loại thông tin.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
		3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung 5 điểm		– Đầy đủ nội dung: dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, hoàn thiện bộ máy nhà nước, khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển, Phật giáo phát triển, lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Tống giành thắng lợi. – Sắp xếp các nội dung đúng theo thứ tự đã được học.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
		3 điểm	1 điểm	1 điểm

- Hs chia sẻ bài làm.

- HS nhận xét, bổ sung.



- HS đọc

- HS làm việc cá nhân lựa chọn truyện

- HS kể trước lớp.

- HS tự đánh giá nhau theo các tiêu chí sau:

- Gv nhận xét, đánh giá.	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung.	Không có bố cục cho sản phẩm.
	2 điểm	1 điểm	0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	– Giọng kể chuyện to, rõ ràng. – Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. – Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm.
	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Nội dung	– Đầy đủ nội dung. – Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.	– Còn thiếu một số nội dung. – Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.	– Thiếu nhiều nội dung. – Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.
	5 điểm	3 điểm	1 điểm

4. Vận dụng:

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học lịch sử

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- Gv yêu cầu Hs kể tên những thành tựu, công trình kiến trúc mà em biết thời nhà Lý. - Gv nhận xét, tuyên dương. - Dặn dò: Sưu tầm tư liệu , tranh ảnh về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần.	- Hs trình bày với nhiều hình thức thể hiện khác nhau. - Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long, chùa Một Cột, chùa Thắng Nghiêm, chùa Chân Giáo, tháp Báo Thiên (Hà Nội); chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Long Đọi Sơn (Hà Nam),...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 10: TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

– Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).

– Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

2. Năng lực chung.

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, toàn lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về lịch sử Việt Nam

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ của Bác Hồ. Nhà Trần thống trị giang san Trị yên trong nước, đánh tan giặc ngoài …Đời Trần văn giỏi võ nhiều, Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh. - Yêu cầu HS ghi lại những suy nghĩ, nhận xét của HS: - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về triều đại Nhà Trần. Để tìm hiểu sâu hơn về Nhà Trần, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 10 – Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược.**	- HS thực hiện. - HS thực hiện. - Những điều em biết nhà Trần ..... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + HS trình bày được sự thành lập của Triều Trần. + HS trình bày được công cuộc xây dựng đất nước thời Trần về tổ chức chính quyền. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1. Tìm hiểu về Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước. **a. *Sự ra đời Triều Trần*** - GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: + Nhà Trần được thành lập như thế nào?	- HS đọc thông tin . Cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy yếu, phải dựa vào họ Trần để dẹp các thế lực

	chống đối. Nhờ đó, họ Trần đã từng bước thâu tóm được quyền lực. Đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng – vị vua cuối cùng của nhà Lý phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.
+ Vị vua đầu tiên là ai?	Trần Cảnh là vua đầu tiên của Triều Trần
- GV mời HS báo cáo kết quả.	- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
b. công cuộc xây dựng đất nước.	
GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin "Thời nhà Trần,… đất nước" trong SGK, thảo luận nhóm thực hiện các nhiệm vụ:	
+ Nêu nhận xét của em về tổ chức chính quyền thời Trần.	+ Thời nhà Trần, bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ để quản lí và xây dựng đất nước.
Việc các vua nhường ngôi sớm cho con và xưng làm	
+ Thái Thượng Hoàng, cùng vua quản lí đất nước nhằm mục đích gì?	+ Các vua Trần nhường ngôi sớm cho con và xưng là Thái Thượng hoàng, cùng vua quản lí đất nước nhằm mục đích rèn luyện cho vua trẻ cách xử lí công việc triều chính, tăng hiệu qủa trong giải quyết công việc.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện Thượng Hoàng Trần Nhân Tông dạy vua, sau đó thực hiện yêu cầu: Kể lại câu chuyện và cho biết câu chuyện đó muốn nói lên điều gì?	
GV mời một số HS đại diện nhóm kể chuyện và trả lời câu hỏi trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.	- Đại diện nhóm kể chuyện và trả lời câu hỏi trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.
GV nhận xét, đánh giá về hoạt động kể	

chuyện của HS. GV chốt lại nội dụng: Câu chuyện chứng tỏ Thái Thượng Hoàng rất nghiêm khắc trong việc răn dạy để nhà vua tu dưỡng, rèn luyện trở thành vị vua mẫu mực.	- HS lắng nghe.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + HS trình bày được thời gian thành lập của Triều Trần. + HS trình bày được công cuộc xây dựng đất nước thời Trần về tổ chức chính quyền. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh hơn** - Chuẩn bị: Câu hỏi. - Cách chơi: Chơi cá nhân . Giáo viên nêu câu hỏi. Trong trong thời gian nhanh trả lời câu hỏi sẽ nhận quà. Nhà trần thành lập vào thời gian nào. Cha của vua gọi là gì? - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương.	 - HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. Năm 1226 Thái Thượng hoàng
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về Triều Trần. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 10: TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

– Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).

– Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

2. Năng lực chung.

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, toàn lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về lịch sử Việt Nam

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	

- Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát hình ảnh về tên trường, tên đường mang tên các vi tướng thời nhà trần. Yêu cầu học sinh nêu hình ảnh thuộc triều đại nào trong lich sử Việt Nam - GVmời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé.	- HS quan sát. - HS nêu. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam. + Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1. Tìm hiểu về Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước. ***a. Tìm hiểu về quân đội thời Trần*** GV hướng dẫn HS quan sát hình 1, đọc đoạn thông tin "Quân đội thời Trần … ngoại xâm".  Hình 1. Thạp gốm thời Trần trang t cảnh chiến binh luyện tập võ nghệ Hình ảnh chiến binh luyện tập võ nghệ trên thạp gốm phản ánh điều gì? Kể tên những vị tướng giỏi có công lớn trong kháng chiến chống ngoại xâm. GV mời đại diện các nhóm HS trả lời câu hỏi - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc và tìm hiểu thông tin. HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm v Đại diện các nhóm HS trả lời câu hỏi.

b. Tìm hiểu về giáo dục khoa cử thời Trần -GV hướng dẫn HS đọc đọc đoạn thông tin về giáo dục và khoa cử.  ▲ **Hình 2.** Tượng thờ Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất Việt Nam là ai? Ai là Người thầy lưu danh muôn đời? GV yêu cầu một số HS kể lại câu chuyện về Nguyễn Hiền, Chu Văn An. GV đặt câu hỏi mở rộng: Em học được gì từ nhân vật đó? - GV nhận xét, tuyên dương.	HS thực hiện yêu cầu. Giáo dục, khoa cử thời nhà Trần được chú trọng. Triều đình mở trường học ở các địa phương, tổ chức kì thi Thái học sinh để chọn người tài, HS trả lời. HS kể chuyện. HS trả lời.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về quân đội và giáo dục thời nhà Trần. + Nêu được tên một số nhân vật lịch sử. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Rung chuông vàng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về quân đội và giáo dục thời nhà Trần.. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu:	

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về nhà trần qua các tên trường học, tên đường ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 10: TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần thông qua câu chuyện về người thiếu niên nhỏ tuổi Trần Quốc Toản và hình ảnh các cô lão trong hội nghị Diên Hồng.

2. Năng lực chung.

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, toàn lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về lịch sử Việt Nam

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:
- Mục tiêu:
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV cho HS xem video về cuộc kháng chiến chông quân Mông –Nguyên.
- GVmời một số học sinh nêu cảm nghĩ
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</td><td>- HS quan sát.

- HS nêu.
- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Hoạt động khám phá:
- Mục tiêu:
+ Nêu được quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần thông qua câu chuyện về người thiếu niên nhỏ tuổi Trần Quốc Toản và hình ảnh các cô lão trong hội nghị Diên Hồng.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1. Tìm hiểu về quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần

a. Ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên
+ GV giới thiệu vắn tắt khát vọng của quân Mông – Nguyên: Thời Trần quân Mông –</td><td>

- HS lắng nghe.
HS khai thác thông tin, ghi lại thông tin</td></tr>
</table>

Nguyên ba lần xâm lược nước ta vào các năm 1258, 1285, 1287 – 1288. Triều đình cùng quân dân nhà Trần đã quyết tâm đánh giặc và tích cực chuẩn bị cho kháng chiến.	ra giấy trong thời gian 5 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.
	
Hình ảnh chiến binh luyện tập võ nghệ trên thạp gốm phản ánh điều gì?	Đại diện các nhóm HS trả lời câu hỏi.
Kể tên những vị tướng giỏi có công lớn trong kháng chiến chống ngoại xâm.	
GV mời đại diện các nhóm HS trả lời câu hỏi	HS trả lời.
- GV nhận xét, tuyên dương.	HS kể chuyện.
b. Tìm hiểu câu chuyện lịch sử.	
-GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu nội dung câu chuyện lich sử " Lá cờ theo sáu chữ vàng"	HS đọc thầm, tìm hiểu nội dung.
Nêu những chi tiết thể hiện quyết tâm chống giặc của nhà Trần.	HS nêu. Người thiếu niên Trần Quốc Toản tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã xin vua được dự hội nghị Bình Than để bàn kế sách đánh giặc, các bô lão trong cả nước tại Hội nghị Diên Hồng năm 1285 đã đồng thanh hô "đánh" thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước.
- GV nhận xét, tuyên dương.	

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về quân đội và giáo dục thời nhà Trần.

+ Nêu được tên một số nhân vật lịch sử.

+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh ai đúng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về ba lần kháng chiến chống quan Mông –Nguyên. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về nhà trần qua các tên trường học, tên đường ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 10: TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

– Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

2. Năng lực chung.

+ Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, toàn lớp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về lịch sử Việt Nam

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem video về thuỷ triều lên trên các cửa sông.	- HS quan sát.

- GVmời một số học sinh nêu cảm nghĩ - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS nêu. - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, đọc câu chuyện trận thuỷ chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288, quan sát lược đồ hình 5, kể tóm tắt về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.  Hình 5. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng (1288) GV gọi một số nhóm HS kể tóm tắt chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. - GV nhận xét, tuyên dương. ***b. Tìm hiểu câu chuyện lịch sử.*** -GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu nội dung câu chuyện lich sử " Trân thuỷ chiến trên sông Bạch Đằng"	HS làm việc cá nhân bằng cách đọc câu chuyện, quan sát lược đồ trong thời gian 2 phút; sau đó trao đổi với bạn trong nhóm, thống nhất ý kiến và cùng nhau kể tóm tắt về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. HS kể, kết hợp với chỉ trên lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. HS kể chuyện.

 Hình 4. Cọc gỗ Bạch Đằng (1288) - Nêu những chi tiết thể hiện sự mưu lược trong kế hoạch đánh giặc của nhà Trần. - GV nhận xét, tuyên dương.	HS đọc thầm, tìm hiểu nội dung. - HS nêu. -Biết lợi dụng địa hình hiểm yếu để bố trí trận địa bãi cọc và phục kích, kết hợp với quy luật lên xuống của thuỷ triều để tiêu diệt địch. -Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về quân đội và giáo dục thời nhà Trần. + Nêu được tên một số nhân vật lịch sử. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Rung chuông vàng** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về trận thuỷ chiến trên sông Bạch Đằng. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và giơ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về nhà trần qua các tên trường học, tên đường ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 15:

Bài 11 : ÔN TẬP (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố được kiến thức về đất nước và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa)

- Tự hào về truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời từ thời các nhà nước đầu tiên đến thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

2. Năng lực chung.

- Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí; cũng như các năng lực chung nhú: năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm, toàn lớp.

- Biết bày tỏ tình yêu đối với thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam; tự hào về truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời từ thời các nhà nước đầu tiên đến thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vận dụng kiến thức đã học và đưa ra cách xử lý tình huống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên, môi trường; giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và những di sản văn hoá của cha, ông ta để lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS hát và vận động theo bài hát "Một vòng Việt Nam" https://youtu.be/jnmZ6LlAido?si=U14_eTHbo4Qs-wlg	- Cả lớp hát và vận động theo nhạc.
- GV đặt câu hỏi ? Bài hát nói về nội dung gì? ? Em có cảm nhận gì khi nghe bài hát này?	- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Lịch sử Việt Nam bắt đầu từ xa xưa với những quốc gia cổ đại trên lãnh thổ này: Văn Lang được coi là nhà nước đầu tiên của người Việt, tồn tại từ khoảng thế kỷ 7 TCN đến thế kỷ 3 TCN. Âu Lạc kế tục Văn Lang, tồn tại từ 258 TCN đến 208 TCN dưới sự cai trị của An Dương Vương. Phù Nam là vương quốc cổ ở Nam Bộ Việt Nam, tồn tại từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7. Chămpa, vương quốc của người Chăm ở miền Trung Việt Nam, tồn tại từ*	- HS lắng nghe.

thế kỷ 2 đến thế kỷ 17. Bài học ngày hôm nay cô và các bạn sẽ ôn lại những lịch sử về đất nước và con người Việt Nam.	
2. Hoạt động luyện tập*:* **-** Mục tiêu: + Củng cố được kiến thức về đất nước và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nội dung sau vào vở: vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu của Việt Nam. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 6 và chia sẻ nội dung của bài theo sơ đồ: - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.	- HS thảo luận và chia sẻ nội dung của bài theo sơ đồ. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. + Vị trí địa lý: Nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á. Giáp Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và Biển Đông. + Phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính: Lãnh thổ gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Phần đất liền có dạng hình chữ s, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc - nam. Có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. + Đặc điểm địa hình: Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp. Hai hướng núi chính là tây bắc - đông nam và vòng cung. Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. + Đặc điểm khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao), lượng mưa lớn, một năm có hai mùa gió chính. ~ Khí hậu hai miền

- Các nhóm nhận xét chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương. **Hoạt động 2: Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 và hoàn thành bảng vào phiếu học tập  - GV cùng giúp đỡ các nhóm còn chậm thảo luận và hoàn thàng bảng.	Nam - Bắc có sự khác biệt. - Nhận xét và chia sẻ nhóm bạn. - HS lắng nghe - HS thảo luận theo nhóm 4 vfa hoàn thành bảng.

STT	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu
1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn
2	Âu Lạc	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	- Lẫy nỏ và mũi tên đồng - Thành Cổ Loa
3	Phù Nam	Nam Bộ	- Bình gốm Nhơn Thành (Cần Thơ) - Đồng tiền kim loại, vàng,... - Nồi và cà ràng - Khuyên tai bằng vàng - Tượng Phật Bình Hoà (Long An)

- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả. - GV nhận xét, chốt kết quả đúng	<table><tr><td>4</td><td>Chăm-pa</td><td>Duyên hải miến Trung</td><td>Đền tháp Chăm</td></tr></table> - HS các nhóm lên chia sẻ kết quả - HS nhận xét nhóm bạn và bổ sung - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ nội dung sau: ? Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam vị trí của địa phương em, 5 thành phố trực thuộc Trung ương, một số đảo và quần đảo lớn của nước ta,... - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia lên xác định các yêu cầu của GV trên bản đồ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 11 : ÔN TẬP (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố được kiến thức về đất nước và con người Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Chăm-pa)

- Tự hào về truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời từ thời các nhà nước đầu tiên đến thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

2. Năng lực chung.

- Năng lực nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí; năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí; cũng như các năng lực chung nhú: năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm, toàn lớp.

- Biết bày tỏ tình yêu đối với thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam; tự hào về truyền thống lịch sử - văn hoá lâu đời từ thời các nhà nước đầu tiên đến thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vận dụng kiến thức đã học và đưa ra cách xử lý tình huống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên, môi trường; giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và những di sản văn hoá của cha, ông ta để lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS xem video https://youtu.be/Xs9fJU8pn2s?si=VkuAyzgeYatAyWvE - GV đặt câu hỏi ? Video trên vừa nói về điều gì? ? Em có cảm nhận gì về video mà chúng ta vừa xem? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn 1000 năm trong lịch sử Việt Nam, từ 111 TCN đến 939. Triều Lý (1009-1225) mở ra thời kỳ*	- Cả lớp quan sát và xem video. - HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.

phát triển rực rỡ của Đại Việt. Vua Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, đặt nền móng cho kinh đô ngàn năm văn hiến. Triều Trần (1225-1400) tiếp nối sự hưng thịnh, đặc biệt nổi tiếng với ba lần đánh bại cuộc xâm lược của quân Mông Nguyên (1258, 1285, 1288). Bài học ngày hôm nay cô và các bạn sẽ ôn lại những cuộc đấu tranh ở các triều đại của Việt Nam.	

2. Hoạt động luyện tập:

- Mục tiêu:

+ Củng cố được kiến thức về các cuộc đấu tranh của Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc, Triều Lý, Triều Trần.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các cuộc đâu stranh tiêu biểu thời kì Bắc thuộc

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 6 và chia sẻ nội dung vào bảng nhóm:

STT	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh tiêu biểu	Ý nghĩa
1	40 – 43	Hai Bà Trưng	?
?	?	?	?

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS thảo luận và chia sẻ nội dung vào bảng nhóm.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

STT	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh tiêu biểu	Ý nghĩa
1	40-43	Hai Bà Trưng	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân

			dân ta, tạo tiền để cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của nước nhà sau này.
2	542	Lý Bí	Khởi nghĩa Lý Bí thể hiện lòng yêu nước, khẳng định sự trưởng thành về ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.
3	938	Chiến thắng Bạch Đằng	Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đã chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

- Các nhóm nhận xét chia sẻ
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét và chia sẻ nhóm bạn.
- HS lắng nghe

Hoạt động 2: Lựa chọn thông tin cho phù hợp với Triều Lý và Triều Trần, sau đó ghi kết quả vào vở

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 chơi trò chơi Tiếp sức
- GV chia lớp thành 2 đội và cho HS chơi trò chơi Tiếp sức: Mỗi đội gồm 6 thành viên, lần lượt lên bảng lựa chọn những đáp án theo thứ tự từ 1 – 12 đúng gắn vào từng Triều đại trên phiếu trò chơi. Thơi gian chơi là 5 phút, đội nào nhanh, và gắn đúng kết quả sẽ được cả lớp khen thưởng
- GV cùng các bạn dưới lớp cổ vũ
- GV nhận xét kết quả 2 đội chơi
- GV chốt nội dung bài

- HS thảo luận theo nhóm 4
- HS chơi trò chơi

Triều Lý	Triều Trần
1, 3, 6, 7, 9, 10.	2, 4, 5, 8, 11, 12.

- HS quan sát
- HS lắng nghe

3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ nội dung sau: ? Xác định trên lược đổ tự nhiên Việt Nam một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn, một số khoáng sản chính,... - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia lên xác định các yêu cầu của GV trên bản đồ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 12: KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số 4 liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ Lê Lợi, Nguyễn Trãi….)

- Kể lại được chiến thắng chi lăng có sử dụng liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng về Liễu Thăng,…)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến Khởi nghĩa Lam Sơn và triều Hậu Lê.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được tư liệu lịch sử. Kể được nét chính về lịch sử Việt Nam thời Khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử : Lê Lợi, Nguyễn Trãi

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến Khởi nghĩa Lam Sơn. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Có thái độ yêu quê hương, đất nước, yêu lịch sửu Việt Nam qua các thời kì.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu lịch sử, nhân vật trong lịch sử. Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, giữ nước. Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát hình 1 trả lời câu hỏi.	- Cả lớp quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

 + Em hãy nên tên địa danh trong bức tranh trên. + Khu di tích trên ở đâu? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: ***Điện Lam Kinh là một công trình kiến trúc trong khu di tích Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá) nơi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh thắng lợi. Công trình này được xây dựng vào triều Hậu Lê. Đây là một trong những triều đại tồn tại lâu dài nhất lịch sử và để lại nhiều dấu ấn đạm nét trong tiến trình lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay cô mời các em cùng tìm hiểu điều đó.***	- Bức tranh trên là Điện Lam Kinh Đây là khu di tích huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + Học sinh nêu được khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn (Thời gian bùng nổ và kết thúc, người lãn đạo, một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu) + Học sinh kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) ***a, Khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn*** - GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. **-** GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi: + Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.	- HS làm việc chung cả lớp. - Đọc thong tin trong SGK và ttrar lời câu hỏi:

- GV nhận xét tuyên dương. - GV mời HS kể câu chuyện về một nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, sửa sai.	 + KHởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, diễn ra tại Lam Sơn (Thanh Hoá). + Cuộc khởi nghĩa kéo dài 10 năm (1418-1427). + Một số sự kiện tiêu biểu: Chuyển hướng chiến lược vào Nghệ An (1424), chiến thắng Tốt Động - Chúc Động (1426,) chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (11 - 427), Hội thề Đông Quan (12-1427) + Nhiều nhân vật tiêu biểu gắn với khởi nghĩa lam sơn như lê lợi, nguyễn trãi, lê lai, trần nguyên hãn, nguyễn chích. - HS kể lại câu chuyện về nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn. - Cả lớp nhận xét, bổ sung
b. Chiến thắng Chi Lăng. - GV giới thiệu: Trong suốt 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn có rất nhiều chiến thắng lớn khiến cho quân minh bị thiệt hại nặng nề. Trận Chi Lăng là một trong những trận đánh tiêu biểu và quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thong tin trong SGK, quan sát lược đồ trận Chi Lăng và kể lại câu chuyện lịch sử về trận Chi Lăng. - GV mời các nhóm kể chuyện.	- HS lắng nghe. - HS làm việc nhóm: đọc thong tin trong SGK, quan sát lược đồ trận Chi Lăng và kể lại câu chuyện lịch sử về trận Chi Lăng.

- GV mời các nhóm đánh giá nhận xét bàng bảng kiểm - GV nhận xét, kết luận: ***Chiến thắng Chi Lăng đã khiến cho mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của quân Minh bị tan vỡ, cùng với chiến thắng Xương Giang trong năm 1427 đã khiến cho quân Minh phải chấp nhận tiến hành Hội thể Đông Quan với nghĩa quân Lam Sơn và rút quân về nước. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc thắng lợi, chấm dứt ách đô hộ 20 năm của nhà Minh. Nước ta hoàn toàn độc lập.***	 - Đại diện các nhóm kể chuyện trận Chi Lăng. - Các nhóm đánh giá nhóm bạn kể chuyện qua bản kiểm: BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG KHAI THÁC LƯỢC ĐỒ TRẬN CHI LĂNG STT | Nhận định | Có/không 1 | Xác định và chỉ chính xác hướng tiến quân của quân Minh | 2 | Xác định và chỉ chính xác hướng quân ta đánh nhử quân Minh vào trận địa | 3 | Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta chặn đánh quân Minh | 4 | Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta mai phục, chặn đánh quân Minh | 5 | Xác định và chỉ chính xác vị trí quân ta giành thắng lợi | 6 | Xác định và chỉ chính xác vị trí của cửa ải | 7 | Xác định và chỉ chính xác các nội dung của lược đồ gắn với diễn biến của trận Chi Lăng |

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ Lê Lợi, Nguyễn Trãi….).

- Cách tiến hành:

Hoạt động luyện tập: Thi kể chuyện lịch sử - GV tổ chức thi kể chuyện lịch sử - Hình thức thi: thi theo nhóm, mỗi nhóm đại diện 1 bạn tham gia. - Nội dung: chọn 1 trong 3 câu chuyện: + Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa	- HS lắng nghe cách thi. - HS thảo luận, và chọn 1 câu chuyện lịch sử, đọc thông tin trong SGK, đưa ra ý chính câu chuyện, cách kể chuyện, …

+ Lê Lai quên mình cứu chúa. + Trận Chi Lăng - GV mời đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử. - GV mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	 - Đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử. - Đại diện các nhóm khác nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà thu thập một số tư liệu về 2 nhân vật lịch sử bằng tranh hoặc các câu chuyện lịch sử về Lê Lai, Nguyễn Trãi. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học nhận nhiệm vụ để về nhà tìm hiểu, thu thập tư liệu các nhân vật lịch sử hoặc tìm hiểu một sô câu chuyện lịch sử Lê Lai, Nguyễn Trãi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ
BÀI 12: KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh,...).

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến thời Hậu Lê.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về một số tư liệu lịch sử. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Có thái độ yêu quê hương, đất nước, yêu lịch sử Việt Nam qua các thời kì.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu lịch sử, nhân vật trong lịch sử. Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, giữ nước. Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi khởi động: "Em yêu lịch sử" với 4 câu hỏi. - Hình thức chơi: HS xung phong chơi cá nhân, chọn nhân vật lịch sử em thích và trả lời câu hỏi ẩn bên trong. Trả lời đúng được GV tuyên dương, trả lời sai nhường câu hỏi cho bạn khác. Trò chơi kết thúc khi cả 4 câu hỏi được chọn. Câu 1: Điện Lam Kinh ở đâu?	- HS lắng nghe luật chơi - HS tham gia trò chơi. Câu 1: Điện Lam Kinh ở khu di tích

	Lam Kinh huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Câu 2: Nguyễn Trãi đã dâng lên Lê Lợi cuốn sách gì? Câu 3: Ai là người đóng giả Lê Lợi xông trận để cứu Lê Lợi? Câu 4: Ải Chi Lăng thuộc địa danh nào? - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	Câu 2: Nguyễn Trãi đã dâng lên Lê Lợi cuốn sách "Bình Ngô sách" Câu 3: Lê Lai là người đóng giả Lê Lợi xông trận để cứu Lê Lợi. Câu 4: Ải Chi Lăng thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh,...).

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá . Triều Hậu Lê và công cuộc xây dựng đất nước.	
- GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp.	- HS làm việc chung cả lớp.
- GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:	- Đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
+ Nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê.	+ Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ, quy củ. + Nhà nước chú trọng phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp. + Đất nước thịnh đạt nhất dưới thời vua Lê Thánh Tông.
- GV nhận xét, tuyên dương.	+ Văn học và khoa học cũng đạt được nhiều thành tựu với các tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Trãi, Ngô Sỹ Liên,…

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Kể lại được một câu chuyện về nhân vật lịch sử đã học trong bài.

<table>
<tr><td colspan="2">- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Hoạt động luyện tập: Thi kể chuyện lịch sử
- GV tổ chức thi kể chuyện lịch sử
- Hình thức thi: thi theo nhóm, mỗi nhóm đại diện 1 bạn tham gia.
- Nội dung: chọn 1 trong 2 câu chuyện:
+ Lê Thánh Tông – Nhà chính trị tài ba.
+ Trạng Lường Lương Thế Vinh.
+ Trận Chi Lăng
- GV mời đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.</td><td>- HS lắng nghe cách thi.
- HS thảo luận, và chọn 1 câu chuyện lịch sử, đọc thông tin trong SGK, đưa ra ý chính câu chuyện, cách kể chuyện,…

- Đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử.

- Đại diện các nhóm khác nhận xét theo bảng kiểm:
BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ HOẠT ĐỘNG KỂ CHUYỆN CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRIỀU HẬU LÊ
<table><tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Có/không</th></tr><tr><td>1</td><td>Nội dung câu chuyện đúng, đầy đủ, hấp dẫn.</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Giọng kể chuyện rõ ràng, mạch lạc, có cảm xúc.</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Có sử dụng điệu bộ, cử chỉ phù hợp với câu chuyện.</td><td></td></tr></table>
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</td></tr>
<tr><td colspan="2">4. Vận dụng trải nghiệm.
- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS về nhà thu thập một số tư liệu về các nhân vật lịch sử đã học bằng tranh, ảnh hoặc các câu chuyện lịch sử đã nghe, đã đọc về nhân vật lịch sử Lương Thế Vinh.
- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.</td><td>- Học nhận nhiệm vụ để về nhà tìm hiểu, thu thập tư liệu nhân vật lịch sử Lương Thế Vinh.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</td></tr>
</table>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 12: KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức đã học về Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực luyện tập và hoàn thành nội dung bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Kể được một câu chuyện về nhân vật lịch sử ngoài sách giáo khoa về Khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Có thái độ yêu quê hương, đất nước, yêu lịch sử Việt Nam qua các thời kì.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu lịch sử, nhân vật trong lịch sử. Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, giữ nước. Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

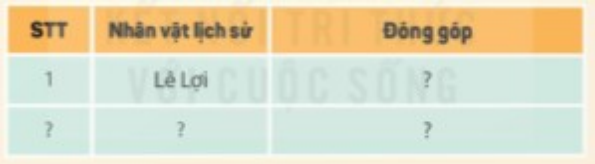
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

- GV mời HS xem Video về câu chuyện "Truyền thuyết Gươm Thần" https://youtu.be/M-V-k-if9ck?si=AbAgKdIWe02PtFNh	- HS xem video
- Cùng HS trao đổi về nội dung câu chuyện.	- HS cùng trao đổi với GV về nội dung video.
+ Thanh gươm Lê Thận trao cho Lê Lợi có nguồn gốc từ đâu?	+ Thanh gươm Lê Thận trao cho Lê Lợi có nguồn gốc từ hồ gươm khi lê thận đi đánh cá.
+ Con vật nào đã lên lấy lại thanh gươm từ Lê Lợi.	+ Rùa vàng đã lên lấy lại thanh gươm từ Lê Lợi.
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe.

2. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Hoàn thành bảng vè nhân vật lịch sử.	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.	- HS làm việc cá nhân, , lập bảng về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- GV mời HS trình bày trước lớp.	- GV mời HS trình bày trước lớp.
	
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

<table>
<tr>
<td>
Hoạt động 2. Thi kể chuyện lịch sử
- GV tổ chức thi kể chuyện lịch sử
- Hình thức thi: thi theo nhóm, mỗi nhóm đại diện 1 bạn tham gia.
- Nội dung: Chọn một câu chuyện lịch sử về khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em đã đọc, hoặc đã nghe.
- GV mời đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét chung tuyên dương các
</td>
<td>
- HS lắng nghe cách thi.
- HS thảo luận, và chọn một câu chuyện lịch sử về khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em đã đọc, hoặc đã nghe.
- Đại diện các nhóm thi kể chuyện lịch sử.
Gợi ý: Câu chuyện Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Sự tích Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm), …
- Gợi ý nội dung Câu chuyện hồ Gươm:
+ Lê Thận đi đánh cá vớt được thanh gươm.
+ Lê Lợi lúc chạy giặc nhặt được chuôi gươm trên cây.
+ Thanh gươm trở thành báu vật của Lê Lợi đánh tan giặc Minh, đưa đất nước hoàn toàn độc lập.
+ Sau này đất nước hoà bình, vua Lê Lợi cưỡi thuyền rồng dạo trên hồ Gươm thì rùa vàng nổi lên lấy lại thanh gươm.
Về sau hồ đó gọi là hồm Gườm hoặc hồ Hoàn Kiếm
- Các nhóm khác nhận xét theo bảng kiểm:
PHIẾU ĐÁNH GIÁ KỂ CHUYỆN CỦA HỌC SINH
<table>
<tr><th>Tiêu chí</th><th>Mức độ 1</th><th>Mức độ 2</th><th>Mức độ 3</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Bố cục</td><td>Trình bày thông tin mạch lạc, lô gic.</td><td>Trình bày thông tin còn nhầm nhằn giữa các nội dung</td><td>Không có bố cục cho sản phẩm</td></tr>
<tr><td>2 điểm</td><td>1 điểm</td><td>0.5 điểm</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Giọng nói, biểu cảm</td><td>– Giọng kể chuyện to, rõ ràng.
– Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết.
– Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.</td><td>Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm</td><td>Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm</td></tr>
<tr><td>3 điểm</td><td>2 điểm</td><td>1 điểm</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nội dung</td><td>– Đầy đủ nội dung.
– Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gic.</td><td>– Còn thiếu một số nội dung.
– Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gic.</td><td>– Thiếu nhiều nội dung.
– Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự.</td></tr>
<tr><td>5 điểm</td><td>3 điểm</td><td>1 điểm</td></tr>
</table>
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
</td>
</tr>
</table>

nhóm.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu và kể một số địa danh, di tích lịch sử, tên đường phố, trường học liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học nhận nhiệm vụ HS về nhà tìm hiểu và kể một số địa danh, di tích lịch sử, tên đường phố, trường học liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ

BÀI 13: TRIỀU NGUYỄN (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu,sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...)liên quan đến Triều Nguyễn.

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử : vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn TRường Tộ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến Triều Nguyễn.

Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được tư liệu lịch sử. Kể được nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử : vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn TRường Tộ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...)liên quan đến Triều Nguyễn.

Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tim tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu lịch sử, nhân vật trong lịch sử. Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, giữ nước. Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem 1 đoạn video kết hợp với hình 1 trả lời câu hỏi.	- Cả lớp theo dõ, lắng nghe. Đây loại hình nghệ thuật Nhã nhạc cung đình Huế, có liên quan đến triều đại nhà Nguyễn trong

 ▲ **Hình 1.** Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi chúng ta đã xem video về loại hình nghệ thuật Nhã nhạc cung đình Huế, có liên quan đến triều đại nhà Nguyễn trong lịch sử dân tộc. Triều đại nhà Nguyễn được xây dựng thế nào? Thì tiết học hôm nay cta cùng khám phá nhé: "Triều Nguyễn"	lịch sử dân tộc. . - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: **-** Mục tiêu: + Học sinh trình bày được sự thành lập của Triều Nguyễn. Trình bày được một số việc làm của Triều Nguyễn để xây dựng đất nước. + Nêu kết quả của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn. + Kể chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu đóng góp của ông. + Nêu những nêu đóng góp của nguyễn trường tộ đối với lịch sử dân tộc. **-** Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. Triều Nguyễn và công cuộc xây dựng đất nước. ***a, Triều Nguyễn buổi đầu xây dựng đất nước*** - GV yêu cầu hs đọc thông tin và trả lời câu hỏi	- HS trả lời câu hỏi: Sự thành lập của Triều Nguyễn: Năm 1802, sau khi đánh bại Triều Tây Sơn,

.



- GV mời HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương.

b, Công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn

GV cho HS đọc thông tin và quan sát hình 3, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi



▲ **Hình 3.** Đền thờ Nguyễn Công Trứ tại Kim Sơn (Ninh Bình)

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.

Nguyễn Ánh lập ra Triều Nguyễn, định đô ở Phú Xuân (Huế), hiệulàGiaLong.

- Một số việc làm của Triều Nguyễn đểxâydựngđấtnước:

+ Vua Gia Long ban hành bộ "Hoàng Việt luật lệ" nhằm củng cố trậttựxãhội

+ Vua Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính, chia cả nước thành 30tỉnhvà1phủ

+ Các vị vua tiếp tục các hoạt động thực thi chủ quyền biển, đảo đặc biệt là với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

- HS đọc

HS lắng nghe, thảo luận và đại diện nhóm trình bày

- Kết quả của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn: góp phần mở rộng diện tích canh tác, ổn định xã hội và thúc đẩy nông nghiệp phát triển

- Câu chuyện về Nguyễn Công Trứ và đóng góp của ông:

+ Đầu thế kỉ XIX, nhiều nông dân không có ruộng đất cày cấy, bỏ làng đi phiêu tán và nổi dậy chống triều đình.

+ Trong tình hình đó, Nguyễn Công Trứ đã tâu lên vua để cho khai hoang yên nghiệp dân nghèo, nhà vua đồng ý và cử ông làm Doanh điền sứ chuyên coi việc khai phá đất hoang.

+ Ông đã chiêu tập người dân khai hoang lấn biển ở vùng duyên hải Bắc Bộ, mở rộng diện tích đất, thúc đẩy nông nghiệp

- GV nhận xét, tuyên dương. ***c, Những đề nghị canh tân đất nước.*** - GV cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi 	phát triển. Những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc là:- Là đại diện tiêu biểu cho trào lưu cách tân đất nước cuối thế kỉ XIX - Trình lên vua nhiều bản điều trần, mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh - Đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng,...
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về Triều Nguyễn. + Kể được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các nhân vật lịch sử. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: - GV tổ chức trò chơi **Đoán tên nhân vật** - Mục đích: Giúp học sinh nhớ được tên, một số đặc điểm liên quan đến các nhân vật lịch sử. - Chuẩn bị: Hình ảnh 1 nhân vật lịch sử, các mảnh ghép có các câu hỏi. - Cách chơi: Chơi cả lớp hoặc theo nhóm. Chia ảnh nhân vật thành 6 mảnh ghép ứng với 6 câu	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.

hỏi, học sinh tự lựa chọn mảnh ghép, giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi ở một mảnh ghép các em sẽ được 10 điểm. Sau 6 mảnh ghép học sinh phải đoán được tên nhân vật đó thì số điểm ở 6 mảnh ghép mới được chấp nhận. Nếu đoán được tên nhân vật lịch sử đó sẽ ghi được 30 điểm. Học sinh hay nhóm nào được nhiều điểm hơn sẽ giành phần thắng cuộc. - Tác dụng của trò chơi này: Thể hiện được các mảnh ghép và các câu hỏi sau mỗi tấm ghép mà giáo án truyền thống không thể hiện được. Hơn nữa trên màn hình thể hiện rõ hình ảnh đẹp, dễ quan sát. + Ba đội tham gia trò chơi. Mỗi đội 4 HS. + Khi có hiệu lệnh, các Hs trong đội lần lượt ghép các ô chữ lên bảng theo đúng giai đoạn phát triển trong vòng đời của bướm với hình tương ứng. + Trong 2 phút, đội nào ghép đúng và nhanh nhất sẽ là đội chiến thắng. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mĩ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 18:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố được kiến thức về: Đất nước và con người Việt Nam; Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực đặc thù: năng lực nhận thức khoa học lịch sử và địa lí, năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí; năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm.
- Có tinh thần yêu nước thông qua việc bày tỏ tình yêu đối với quê hương, đất nước Việt Nam; truyền thống lịch sử văn hoá lâu đời của dân tộc thông qua các thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vận dụng kiến thức đã học và đưa ra cách xử lý tình huống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm thông qua việc giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và những di sản văn hoá của cha ông ta để lại, những di sản văn hoá của nhân loại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS hát và vận động theo bài hát "Nối vòng tay lớn" https://youtu.be/L7sB2pBIBFI?si=bCfRYkZTUYG8kizl - GV đặt câu hỏi ? Bài hát nói về nội dung gì? ? Em có cảm nhận gì khi nghe bài hát này? ? Là một hs e có suy nghĩ thế nào về hòa bình thế giới? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:	- Cả lớp hát và vận động theo nhạc. - HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động luyện tập: - Mục tiêu: + Củng cố được kiến thức về: Đất nước và con người Việt Nam; Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt nam. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS thảo luận theo tổ và trả lời các câu hỏi Câu 1: Việt Nam hiện nay có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương? Câu 2: Ý nghĩa của Quốc ca . Câu 3: Hãy nêu thuận lợi và khó khăn	- HS thảo luận và trả lời các câu hỏi + Hiện nay, nước ta có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương . Trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ + Ý nghĩa của Quốc ca: thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vinh quang của thế hệ đi trước; đồng thời cũng thể hiện khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam . + Thuận lợi phát triển khai thác khoáng sản,

của địa hình đồi núi?	thuỷ điện, chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò), trồng cây công nghiệp,… + Địa hình hiểm trở nên giao thông khó khăn, dân cư thưa thớt
Câu 4: Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu nước ta đối với đời sống và hoạt động sản xuất của người dân .	+ Khí hậu thuận lợi có cây trồng phát triển quanh năm cho năng suất cao, có sản phẩm nông nghiệp đa dạng. Nước ta cũng chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,… gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất .
Câu 5: Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam .	+ Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn . Tuy nhiên, dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục, …; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường .
Câu 6: Hãy kể tên những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam	+ Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc; Vương quốc Phù Nam; Vương quốc Chăm-pa.
Câu 7: Nhà nước Âu Lạc rơi vào ách đô hộ nào?	+ Nhà nước Âu Lạc cũng phải tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Triệu nhưng bị thất bại (phản ánh trong *Sự tích nỏ thần*) . Từ đây, đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc trong hơn một nghìn năm .
Câu 8: Kể tên những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ đã phát hiện.	+ Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau của Vương quốc Phù Nam được tìm thấy, như: nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại, đồ trang sức, tượng thần, tượng Phật, . . .
Câu 9: Nối thời gian diễn ra tương ứng với tên các cuộc đấu tranh:	+ 40 – 43: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng + 248: + 542 – 602: Khởi nghĩa Lý Bí – Triệu

Thời gian diễn ra	Tên các cuộc đấu tranh
40 – 43	Khởi nghĩa Bà Triệu
248	Khởi nghĩa Lý Bí – Triệu Quang Phục
542 – 602	Khởi nghĩa Phùng Hưng
713 – 722	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
766 – 779	Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ
905	Khởi nghĩa Ngô Quyền
938	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

Câu 10: Hãy nêu lý do Triều Lý dời đô từ Hoa Lư ra Đại La?

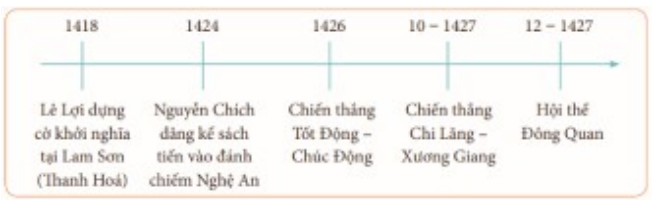
Câu 11: Nêu ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng?

Câu 12: Kể một số sự kiện chính và một số nhân vật tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Quang Phục
+ 713 – 722:
+ 766 – 779:
+ 905:
+ 938: Khởi nghĩa Ngô Quyền.

Câu 10: Về lí do dời đô: Đại La có vị thế thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của đất nước: ở giữa khu vực trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh .

Câu 11: + Ý nghĩa lịch sử to lớn của chiến thắng Bạch Đằng (1288) đã kết thúc hoàn toàn cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên của quân dân Đại Việt . Sự kiện này cũng chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của Trần Quốc Tuấn .



	Sơ đồ một số sự kiện chính trong khởi nghĩa Lam Sơn
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV mời HS nhận xét nhóm bạn - GV nhận xét	- Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi thảo luận. - HS nhận xét nhóm bạn - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ nội dung sau: **Câu 4: Hãy chọn và kể lại câu chuyện về nhân vật lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn**. - HS suy nghĩ và kể lại câu chuyện mà em đã sưu tầm hay đọc ở sách báo	- HS đọc nội dung câu hỏi - HS kể và nêu cảm nghĩ của mình Nguyễn Trãi quê ở Chí Linh (Hải Dương) . Sau khi đất nước bị nhà Minh đô hộ, Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn . Ông đã dâng lên Lê Lợi cuốn *Bình Ngô sách* đề ra kế sách đánh giặc Minh, chú trọng "đánh vào lòng người" để giành chiến thắng . Trong suốt thời gian khởi nghĩa, ông đã viết hàng chục bức thư gửi đi các thành để dụ hàng tướng lĩnh nhà Minh . Kết quả, tại nhiều thành, nghĩa quân không đánh mà địch tự đầu hàng như: Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá, Tam Giang, Thị Cầu,… Tại thành Đông Quan, với chủ trương "quyết nghị hoà để quan quân hai nước đều nghỉ", Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi viết bảy bức thư gửi cho Vương Thông, thậm chí sẵn sàng vào thành để trao đổi "con tin" .

	Cuối cùng, Vương Thông phải đầu hàng và rút quân về nước . Sau thắng lợi, Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo* để tuyên bố về thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn . *Bình Ngô đại cáo* được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc . Nguyễn Trãi còn là một nhà văn hoá kiệt xuất . Ông để lại rất nhiều trước tác văn chương, cả bằng chữ Hán, chữ Nôm và phong phú về thể loại, bao gồm nhiều lĩnh vực như: văn học, lịch sử, địa lí, luật pháp, lễ nghi, … Ông cũng là người đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam … Năm 1980, nhân kỉ niệm 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi, tổ chức UNESCO đã vinh danh ông là Danh nhân văn hoá thế giới .
- GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 18

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

(Đề do chuyên môn nhà trường ra đề)

****